

VÀO CÔNG CHÙA



HT. Thanh Từ
Tu viện CHÂN KHÔNG, Vũng Tàu 1981

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 24-7-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

LỜI ĐẦU SÁCH

BÀI I - MÊ TÍN – CHÁNH TÍN

I. MỞ ĐỀ

II. MÊ TÍN

III. TAI HẠI MÊ TÍN

IV. CẦU NGHUYỆN LÀ CHÁNH TÍN HAY MÊ TÍN?

V. CHÁNH TÍN

VI. LỢI ÍCH CHÁNH TÍN

VII. KẾT LUẬN

BÀI II - TỘI PHƯỚC

I. MỞ ĐỀ

II. THẾ NÀO LÀ TỘI?

III. THẾ NÀO LÀ PHƯỚC?

IV. CẦN TRÁNH TỘI, LÀM PHƯỚC

V. KẾT LUẬN

BÀI III - NGHIỆP BÁO

I. MỞ ĐỀ

III. TỪ Đâu TẠO THÀNH NGHIỆP?

IV. TỪ Đâu CÓ BÁO ỨNG?

V. NGHIỆP BÁO KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN

VI. LÀM SAO HẾT NGHIỆP?

VII. KẾT LUẬN

BÀI IV - BỒ TÁT SỢ NHƠN, CHÚNG SANH SỢ QUẢ

I. MỞ ĐỀ

II. ĐỊNH NGHĨA

III. ỨNG DỤNG BẢN THÂN

IV. ỨNG DỤNG NGOÀI XÃ HỘI

V. ỨNG DỤNG TRONG GIA ĐÌNH

- VI. ỨNG DỤNG VÀO ĐẠO GIÁC NGỘ GIẢI THOÁT
VII. KẾT LUẬN
BÀI V - GIÁC NGỘ PHÁP GÌ
I. MỞ ĐỀ
II. GIÁC NGỘ LÝ NHƠN QUẢ LUÂN HỒI. ỨNG DỤNG TU NHƠN THỪA
THIÊN THỪA
III. GIÁC NGỘ LÝ VÔ THƯỜNG, KHỔ, KHÔNG. ỨNG DỤNG TU THANH VĂN
THỪA
IV. GIÁC NGỘ LÝ NHƠN DUYÊN. ỨNG DỤNG TU DUYÊN GIÁC THỪA
V. GIÁC NGỘ LÝ DUYÊN KHỞI TÁNH KHÔNG, TU BỒ TÁT THỪA

---o0o---

LỜI ĐẦU SÁCH

Quyển “MỐI VÀO CÔNG CHÙA” ra đời trước, chúng tôi hướng dẫn độc giả vừa mới làm quen với mùi hương dưa, còn ngỡ ngàng khi bước chân vào công chùa. Đến quyển “VÀO CÔNG CHÙA”, chúng tôi nhắm đến những độc giả đã quen thuộc với những chiếc mái vôn cong, từng nghe tiếng mộc ngư nhịp đều buổi tối và tiếng chày kinh ngân nga buổi khuya. Tuy nhiên vẫn còn là khách thấy nghe thân cận nhà chùa, chưa phải là người sống trong chùa.

Mục đích chúng tôi cho ra đời những quyển sách này cốt nhằm vào người sơ cơ. Bởi vì bước đầu đạo tuy dễ mà khó. Dễ là hướng đâu đi đó, không có sự nghi ngờ tranh luận. Khó là một bước đầu mà đi sai thì trăm bước, ngàn bước đều sai. Cho nên người có trách nhiệm hướng dẫn phải dè dặt và quan trọng ngay bước đầu. Những đề tài chúng tôi viết trong hai quyển “MỐI VÀO CÔNG CHÙA” và “VÀO CÔNG CHÙA”, đều nhằm sáng tỏ tinh thần học Phật và tu Phật. Chúng tôi cố vạch trần những điều đúng và sai trong hiện tượng Phật giáo hiện nay, để người Phật tử phân biệt rành rõ. Chúng tôi cố làm như thế, không gì khác hơn để hướng Phật tử “bước đầu khỏi lầm”.

Trong quyển sách này, bài sau chót là bài giảng ngày lễ Vu Lan, chúng tôi giảng vào năm 1977 được ghi lại. Đã là ghi lại nên tính chất của nó là văn nói, mong độc giả chỉ cần hiểu ý đừng nệ lời. Vì đề tài “Tinh thần giác ngộ của đạo Phật” cần thiết để kết thúc quyển sách, nên chúng tôi ghép lại ở sau. Chủ yếu muốn độc giả dùng con mắt trí tuệ vào đạo.

Kính ghi
THÍCH THANH TỪ
Tu viện CHÂN KHÔNG

Mùa An Cư năm Tân Dậu
1981

---o0o---

BÀI I - MÊ TÍN – CHÁNH TÍN

I. MỞ ĐỀ

Đạo Phật chủ trương giác ngộ mang ánh sáng trí tuệ soi rọi cho thế gian. Mọi lẽ thật đều hiện bày dưới ánh sáng giác ngộ, nhận lấy lẽ thật rồi mới khởi lòng tin đó là “chánh tín”. Ngược lại, bày những điều mê hoặc làm mù quáng người đời, lừa bịp thế gian, ấy là “mê tín”. Hoặc không hiểu rõ, không có lý lẽ, mà tin càng tin bướng là “mê tín”. Tin bướng là họa hại đưa con người đến đường mù tối. Thấy rõ biết đúng mới tin là sức mạnh vô biên khiến người thành công trên mọi lãnh vực. Thế nên trong kinh Hoa Nghiêm có câu “Tin là nguồn của đạo, là mẹ của mọi công đức. Tin hay nuôi lớn các gốc lành”. Vì thế người học đạo cần có lòng tin, song lòng tin đã qua sàng lý trí gạn lọc kỹ càng. Tuyệt đối không được tin càng, tin bướng là băng hoại tinh thần giác ngộ của đạo Phật. Chính trong kinh Di giáo Phật dạy: “... Xem tướng lành dữ, trông xem sao hạn, xem xét thanh suy, coi ngày đoán số đều không được làm ...”

II. MÊ TÍN

Mê tín là lối tin mù quáng khiến con người mất hết trí thông minh. Những kẻ chủ trương mê tín là người làm hoặc loạn thế gian, đưa dân tộc lùi lại bán khai. Một tôn giáo chân chính, một dân tộc văn minh, không cho phép mê tín len lỏi trong tín đồ mình, trong dân tộc mình. Thế mà, đồng bào chúng ta, trong Phật giáo chúng ta, tệ đoan mê tín vẫn còn nhiều:

a. Đồng cốt

Đồng cốt là hiện tượng mê hoặc khủng khiếp. Những kẻ làm ông đồng, bà cốt đều là người sống trong trạng thái bất bình thường. Bản thân họ đã mất hết khả năng tự chủ, họ bị sai sử bởi một ma lực quyền bí nào đó. Khi ma lực ấy dựa vào họ, liền lạm dụng các danh hiệu thánh, những bậc vĩ nhân của thưở xưa dùng mạo xưng để lừa bịp người đời. Những kẻ yếu vía dễ tin nghe xưng danh hiệu Phật, Bồ tát hay những vị tiên thánh liền khiếp đảm

kính tin. Họ không dám phê phán đó là tà hay chánh. Thế rồi, họ một mực quì mọp để được phong chức, hoặc nhận phép lành. Họ bị gạt bằng những bùa tà phép lạ, những huyền hoặc về quá khứ vị lai. Từ đây sống bằng ảo vọng mơ huyền, mất hết lý trí thực tại.

Chúng ta phải khám phá dẹp tan những lối mê hoặc ấy. Riêng về nhà Phật trong kinh đã dạy rõ, khi chứng đến quả Phật, Bồ tát, A La Hán đều có đủ lục thông, tam minh... Vì thế, Bồ tát hay A La Hán muốn hóa độ kẻ hữu duyên liền dùng thần thông hiện giáo hóa, như Bồ tát Quán Thế Âm trong phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa chẳng hạn. Không khi nào các bậc Thánh phải gá vào thân kẻ phạm tục khác làm việc giáo hóa. Vì các ngài đầy đủ thần thông biến hóa vô ngại. Như thế, những ma lực tựa vào đồng cốt đều là sức của quỷ thần. Vì sợ người đời không tin, nên chúng mạo xưng những danh hiệu cho to để gây uy tín. Biết rõ tính cách ma mị của chúng, người Phật tử phải tránh xa, tuyệt đối không được phụ họa với chúng, huống là qui kính. Có thể mới tỏ ra là người Phật tử chân chánh.

b. Lịch số, sao hạn

Thời gian không thật do khái niệm con người đặt ra, huống là trên thời gian lại đặt ra ngày tốt ngày xấu, năm lành năm dữ ... Thử đặt ra một thí dụ, chúng ta đốt một ngọn đèn đặt ở bên phải, lấy một cái gương tròn nhỏ để ở bên trái, cách nhau năm tấc tây, khoảng giữa đặt một quả bóng (trái banh). Chúng ta dùng tay xoay tròn quả bóng, phía nằm bên ngọn đèn là sáng, phía khuất ngọn đèn là tối. Cứ xoay mãi, quả bóng đổi chiều sáng tối liên tục. Trục quay ấy có lúc tiến đến trước ngang ngọn đèn làm khuất ánh sáng soi vào mặt gương, ánh sáng mặt gương không phản chiếu lại quả bóng, phía khuất ngọn đèn. Có những con kiến ở trên quả bóng, thấy quả bóng mặt sáng gọi là ngày, mặt tối gọi là đêm, những lúc mặt gương không phản chiếu ánh sáng vào quả bóng gọi là 30, những lúc mặt gương phản chiếu ánh sáng vào quả bóng đầy đủ gọi là rằm... Lại đặt mặt sáng của quả bóng vòng một là ngày tốt, vòng hai là ngày xấu... Cảm thông được điều đó, chúng ta có tức cười cho loài kiến hay không? Quả thực chúng bày biện một cách vô lý. Ngọn đèn, quả bóng, mặt gương đều là vô tri, động lực quay nó thì cứ quay vậy thôi, có gì là linh thiêng huyền diệu, mà chúng ta lại đặt là ngày tốt ngày xấu.

Cũng thế, nhật cầu, nguyệt cầu và địa cầu đều là vô tri, chúng quay gần nhau theo cái trục cố định, mặt địa cầu hướng về nhật cầu thì sáng, mặt khuất thì tối. Cái trục quay ấy có khi địa cầu xê tới che khuất ánh sáng nhật cầu không

soi đến nguyệt cầu, có khi sụ t lại, ánh sáng nhật cầu soi đầy đủ vào nguyệt cầu, ánh sáng nguyệt cầu phản chiếu lại mặt tối của địa cầu. Thế rồi, con người sống trên địa cầu trông vào sự sáng tối tùy khái niệm đặt thành ngày đêm, giờ phút, theo sự phản chiếu của nguyệt cầu đặt ra rằm, ba mươi, thành tháng, năm. Thời gian là do tưởng tượng của con người đặt ra không thật. Phương chi trên thế gian ấy lại còn đặt thêm lành dữ tốt xấu... Quả thực con người quá bày biện, quá rối ren. Đã bày biện ra rồi, tự cột trói mình. Khi đã có ngày tốt mới dám đi, làm gì phải đợi ngày tốt mới làm. Thậm chí cất nhà xây bếp cũng phải lựa ngày chọn tháng, định đôi gã lúa cũng phải coi tuổi hạp, không hạp. Con người bị bao phủ trong ổ tơ rối nùi ấy, rồi than khóc, khổ đau. Chính vì ngày tháng tuổi tác tạo ra cho con người không biết bao nhiêu đau khổ. Chúng ta hãy nghe người nông dân miền Nam nguyên rủa họ qua bài hát:

Cọp mà vật mấ ông thầy địa
Yêu mà nhai mấ chú coi ngày
Trớ trêu họ khéo đặt bày
Hai đũa mình thương thiệt, ông trời rày bảo thương.

c. Coi Tay, xem tướng

Coi tay, xem tướng cũng có khi trúng, song ông thầy ấy luôn luôn nói câu thòng: “Tay hay tướng của ông có hiện điều xấu, có thể đến tháng đó sẽ mắc nạn, nếu ông biết làm lành làm phước có thể qua”. Thế thì đến tháng đó, nếu người ấy mắc nạn thì khen ông thầy xem trúng, bằng không mắc nạn thì ông thầy đổ tại làm lành làm phước. Như thế, mặt nào ông thầy cũng hay hết. Nhưng chúng ta thử kiểm điểm xem, cả hai mặt mắc nạn và không, có lợi gì cho người đi coi không? Nếu coi tay tốn một số tiền, đến khi mắc nạn cũng phải tự chịu, ông thầy có cứu giúp cho mình được gì đâu. Nếu đến tháng thọ nạn, người coi tay không thọ nạn cho là làm lành làm phước được qua thì, mình tự cứu mình, ông thầy cũng không làm gì cho mình. Như vậy đi coi chỉ cho uổng tiền. Hơn nữa ở đầu quyển sách tướng có bài kệ:

Hữu tâm vô tướng
Tướng tự tâm sanh
Hữu tướng vô tâm
Tướng tùng tâm diệt.

Dịch:

Có tâm tốt không tướng tốt

Tướng tốt theo tâm tốt sanh
Có tướng tốt không tâm tốt
Tướng tốt theo tâm xấu mất.

Thế thì, chúng ta cần phát tâm tốt làm việc tốt thì điều tốt sẽ đến. Chúng ta chứa chấp những tâm niệm xấu xa thì mọi điều dữ sẽ đến. Điều căn bản là chúng ta làm tốt hay làm xấu, quả tốt xấu sẽ đến với chúng ta. Không phải quan trọng ở bàn tay hay tướng mạo. Thế mà, chúng ta không ứng dụng ngay cội gốc, lại chạy theo ngọn ngành, hao phí tiền bạc một cách vô ích, đó gọi là mê tín.

d. Xin xăm, bói quẻ

Xin xăm bói quẻ là một việc làm cầu may. Rủi may là điều xảy ra không có duyên cớ. Phó thác hành động của mình, cho đến phó thác cả đời mình vào chỗ không có duyên cớ, thật là tệ hại. Thánh, Thần có rảnh đâu mà ngồi sẵn trên bàn để ứng hiện trong xăm quẻ cho quý vị. Nếu người xin xăm bói quẻ có trúng, chẳng qua phước nghiệp, lành dữ của mình mà hiện ra. Như sách nói: “Phước chí tâm linh, họa lai thần ám”. Nghĩa là người gặp lúc phước đến thì gỡ quẻ ra đều tốt, khi họa lại thì rút lá xăm nào cũng xấu. Thế là tốt xấu tại mình, không phải tại xăm quẻ. Chúng ta cứ sửa mình cho tốt thì mọi việc đều tốt, đi xin xăm bói quẻ làm gì? Xin xăm bói quẻ chỉ khiến chúng ta lo sợ thêm. Cao dao Việt Nam có câu:

Tay cầm tiền quí bo bo

Đem cho thầy bói mang lo vào mình

Làm việc không lợi ích, lại tốn hao tiền bạc, mang lo sợ vào lòng, không phải mê tín là gì?

e. Cúng sao, xem tướng

Lệ cúng sao hạn, thật là lạc hậu lỗi thời. Sao là những hành tinh cách xa chúng ta bao nhiêu ngàn cây số. Nó là cái gì mà chúng ta phải cúng. Tục lệ các chùa quê vào ngày mùng chín tháng giêng là cúng sao hội. Người Phật tử nào không gọi tên cúng sao, xem như năm ấy không được bảo đảm an ninh. Song người chủ cúng sao cho quý vị có bảo đảm an ninh chưa? Có lẽ quý vị ấy quên ghi tên mình trong bài sớ cúng sao chớ gì? Thật là vô lý, đạo lý hơn quả đức Phật dạy rành rành trong kinh, mà người ta bắt chập. Thân tổng báo của chúng ta có lẫn lộn với dữ, khi hơn lành đến thì hưởng quả

lành, khi nhơn dữ đến thì chịu quả dữ, không thể chạy trốn được. Chỉ có tạo nhơn lành nhiều, khi quả dữ đến sẽ nhẹ đi hoặc giảm bớt. Ví như trước kia chúng ta đã làm khổ một người, vì lúc đó họ thiếu khả năng trả thù nên dường như thông qua. Đến lúc nào đó, họ đủ điều kiện trả thù, nếu chúng ta không được nhiều người thương che chở thì, quả đó sẽ đúng với nhơn kia. Ngược lại, nếu chúng ta quá được nhiều người ủng hộ che chở, quả phải trả sẽ nhẹ hoặc giảm mất cũng có. Bởi thế nên, sợ quả khổ không gì hơn, chúng ta phải tạo nhơn vui. Cúng sao cúng hạn để cầu được an vui là điều phi lý.

Xem hướng cát nhà, xây bếp cũng là một lối mê tín. Có lắm người trong nhà vợ chồng bất hòa, con cái nghịch, liền rước thầy đến xem hướng sửa cửa, đổi bếp. Nếu cửa và bếp biết nói, sẽ cãi lại với bà chủ nhà rằng: “Cái lầy tại ông bà không biết nhường nhịn nhau, chúng tôi có tội lỗi gì mà phải dời chỗ này dời chỗ kia”. Những việc làm này đủ nói lên người ta trốn tránh trách nhiệm, không bao giờ dám nhìn thẳng những cái quấy lỗi lầm của mình, tìm cách đổ lỗi cho cái gì mà không thể cãi lý được với họ. Như thế, dù họ có sửa đổi trăm ngàn lần, lộn xộn vẫn lộn xộn, bất an vẫn bất an. Vì cái chủ động trong việc bất an ấy, có chịu sửa đổi đâu. Thế nên, người học đạo phải thấy rõ chỗ vô lý này, không nên làm lần một cách tối đốt như vậy.

g. Đốt giấy tiền, vàng mã

ệc đốt giấy tiền vàng mã là việc vô lý trên vô lý. Không thể người có đôi chút nhận xét, lý luận mà chấp nhận việc ấy được. Chính trên thế gian này, đồng tiền của nước này sang nước khác còn khó được chấp nhận, huống là nhơn gian in, xuống âm phủ xài, có lý lẽ gì tin được. Những chiếc lều bằng giấy, quần áo bằng giấy, làm xong đốt gửi xuống âm phủ cho thân nhân dùng, quả là việc làm phí của vô ích. Thử hỏi thân nhân họ là cái gì mà chờ đốt quần áo gửi xuống. Họ đều là đồ vô chủ cô hồn hết sao? Hay họ đã theo nghiệp lành dữ mà sanh nơi khác? Nếu là Phật tử còn không ai biết rõ Phật dạy: “Chúng sanh tùy nghiệp thiện ác, theo đó thác sanh nơi cõi lành cõi dữ”. Thân nhân chúng ta chết cũng theo nghiệp thọ sanh, chớ đâu ngồi chờ chúng ta gửi nhà cửa áo quần xuống xài. Như thế, việc làm ấy, vừa trái đạo lý, vừa phí tiền bạc vô ích. Người Phật tử không bao giờ chấp nhận việc làm mù quáng ấy.

---o0o---

III. TAI HẠI MÊ TÍN

a. Quàng xiềng khờ khạo

Người mê tín theo qui thần là tin một cách quàng xiêng không có căn cứ không có lý luận tin bướng tin càng, mất hết lý trí, trở thành con người khờ khạo. Đó là hình ảnh những người tin vào ông đồng bà bóng, xác cô xác cậu tạo nên. Tại sao họ như thế? Bởi vì họ gởi gắm tâm hồn vào sự huyền bí, vào thế giới vô hình, họ mất hết trí thông minh thực tế. Có khi họ gần như người điên nói lảm nhảm một mình, hoặc nói những việc đâu đâu vô căn cứ...

b. Bị cột trời, ích kỷ, tàn nhẫn

Người mê tín vào lịch số, ngày giờ, là kẻ bị cột trời một cách thâm hại. Họ không bao giờ dám quyết định, một việc làm thích hợp với thời biểu hiện tại. Họ đợi giờ lịch xem giờ tốt hay xấu, ngày lành hay dữ. Thế rồi họ bị chết khổ trong cái rọ ngày giờ. Bởi quen lựa ngày giờ tốt xấu, nên họ trở thành con người ích kỷ dễ sợ. Có những việc đáng làm ngay lúc đó để giúp người, họ lại sợ giờ xấu rồi không chịu làm. Cho đến những việc ma chay cha mẹ họ vẫn lựa ngày tốt giờ tốt để lợi cho con cháu họ, không nghĩ gì đến người chết. Có khi còn dùng thuật trấn ếm nếu cha mẹ họ chết nhằm ngày trùng. Thật là tàn nhẫn, họ không còn tình thương đối với người chết. Mọi việc ma chay chọn lựa ngày giờ, họ đều một bề vì họ. Những người ấy lúc nào cũng nơm nớp lo sợ, trên đầu trên cổ họ đã cột sẵn trăm ngàn mối dây năm tháng ngày giờ, không cho họ thông thả một phút giây nào.

c. Khiếp nhược, mất tự tin

Người tin vào bói, xâu, sao, hạn... là con người khiếp nhược mất tự tin. Bởi không tự tin nên làm việc gì họ cũng phải đi hỏi thần, hỏi thánh. Họ lo âu, sợ hãi năm nào gặp sao La Hầu, Kế Đô. Nhon lành họ không chịu tạo, nhon dữ không chịu tránh, mà một bề sợ sao sợ hạn, quả là những con người mù mịt, tối tăm. Họ sợ những cái không đáng sợ, họ cầu những điều không thể cầu, thực là quái quăm vô lý. Người Phật tử thấy rõ lẽ tà chánh ấy, can đảm quăng đi những tệ tục sai lầm, mới có thể sống với tinh thần đạo giác ngộ.

---o0o---

IV. CẦU NGUYỆN LÀ CHÁNH TÍN HAY MÊ TÍN?

Trong nhà chùa mỗi khi tụng kinh, mọi Phật tử đều có cầu nguyện. Sự cầu nguyện này là chánh tín hay mê tín? Câu hỏi này không thể trả lời một chiều, tùy chỗ hiểu biết của mỗi người, sự cầu nguyện là mê tín, cũng là chánh tín.

a. Mê tín

Nếu chúng ta khẳng định rằng mọi sự cầu nguyện đều được toại nguyện, đó là mê tín. Vì sao? Bởi vì nếu cầu nguyện mà được thì không cần nói đến như quả nghiệp báo. Nếu mọi sự kiện xảy ra đều do như quả thì sự cầu nguyện khó mà toại nguyện. Bởi lẽ, thế gian có kẻ tạo nghiệp lành, người tạo nghiệp dữ. Người tạo nghiệp lành, khi phước báo đến thì được như nguyện. Kẻ tạo nghiệp dữ khi nghiệp báo đến, dù có nguyện cầu cũng khó thoát khỏi quả khổ. Thế thì làm sao dám cố định cầu nguyện là được như ý. Người chấp cố định, là sai lầm, không hợp lý, nên thuộc mê tín.

b. Chánh tín

Chúng ta chỉ xem cầu nguyện như những lời chúc lành là chánh tín. Vì quý kính cha mẹ, quý kính người thân, chúng ta hằng cầu nguyện cho những vị ấy, song có được như nguyện hay không còn tùy thuộc phước duyên dày mỏng của những vị ấy. Mặc dù không được như nguyện, cũng nói lên được lòng hiếu thảo chân thành của chúng ta. Cũng như vì hiếu kính những người trưởng thượng, những bạn bè thân hữu, đầu năm mọi người chúc lành cho nhau. Những lời chúc lành này không hẳn thể hiện được, nhưng cũng nói lên được lòng quý mến nhau.

Hơn nữa, người tu Phật cầu nguyện với mục đích phá tan tâm niệm vị kỷ của mình. Bất cứ một Phật sự nào, chúng ta đều hồi hướng nguyện cầu cho tất cả chúng sanh đều thành Phật đạo. Mới nghe qua dường như những lời nguyện suông, không thể thực hiện được. Song trên tinh thần phá ngã, cứ lập tới, lập lui mãi tâm niệm vì tất cả chúng sanh, khiến người ta quên bằng bản ngã riêng tư của mình. Mọi việc làm đều không phải vì mình, không được nghĩ lợi ích riêng cho mình, mà phải vì như loại, vì tất cả chúng sanh. Hàng ngày cứ huấn tập mãi tâm niệm này, đến một khi nào đó, chúng ta không còn thấy bản ngã riêng, đồng hóa mình và chúng sanh không khác. Thế là chúng ta phá được chấp ngã và phát tâm đại từ bi, xem mọi khổ vui của người như của chính mình. Hiểu cầu nguyện và ứng dụng cầu nguyện như vậy, quả thật là chánh tín.

---o0o---

V. CHÁNH TÍN

a. Tin như quả

Đứng về chiều thời gian, vạn vật đều có trong vũ trụ này, không một vật nào thoát ngoài Nhơn quả mà được hình thành. Trên tiến trình sinh diệt, quyết hẳn vạn vật từ Nhơn tiến đến quả, từ quả trở lại Nhơn. Nhơn quả, quả Nhơn xoay vần không dứt. Đó là hiện tượng sinh hóa trên cõi Nhơn gian. Nghiệm xét thấu đáo, chúng ta không thấy có một vật gì không Nhơn mà có, ngẫu nhiên mà thành. Thấy rõ lý Nhơn quả, chúng ta khéo uyển chuyển cái xấu trở thành tốt, cái dở trở thành hay. Thấy rõ lý Nhơn quả, chúng ta nắm chắc quyền tự chủ, tạo dựng tương lai tươi đẹp cho chính mình. Lý Nhơn quả vừa là khoa học, vừa là sức mạnh chuyển tiến của con người. Tìm hiểu tường tận lý Nhơn quả là người thông minh. Biết ứng dụng lý Nhơn quả là con người tiến bộ. Khảo sát theo Nhơn quả là lý luận chắc chắn, là hiểu biết thấu đáo. Cho nên nghiệm xét lý Nhơn quả tường tận rồi, chúng ta tin tưởng là chánh tín.

b. Tin Nhơn duyên

Đứng về mặt không gian, vạn vật trong vũ trụ đều do Nhơn duyên hợp thành. Không một vật nào do một đơn vị mà làm nên, mà phải nhiều đơn vị hợp lại mới thành hình. Chính thế, lý Nhơn duyên thích ứng với tinh thần phân tích của khoa học hiện nay. Nếu sự vật do một đơn vị làm nên thì, còn gì phân tích. Bởi nhiều đơn vị hợp thành một vật thể, người ta mới phân tích chia ra nhiều đơn vị, nhiều loại. Nhỏ nhất như một nguyên tử, người ta phân tích trong đó vẫn có nhiều phần hợp thành, hướng là những vật thể to tát. Do đó chúng ta thấy rõ lý Nhơn duyên nhà Phật nói, là một lẽ thực, đúng với tinh thần khoa học hiện thời. Hiểu được lý Nhơn duyên, chúng ta phá tan cái chấp lầm vô Nhơn và nhất Nhơn. Hiểu được lý Nhơn duyên, chúng ta thấy rõ muôn vật trên thế gian có sự liên quan chằng chịt với nhau. Chúng ta không thể tách một cá thể đứng ngoài tập thể, một cá Nhơn đứng ngoài Nhơn loại. Đây là lý do khiến dẹp được quan niệm cá Nhơn ích kỷ. Chúng ta tích cực xây dựng nên hạnh phúc chung cho Nhơn loại, không riêng của một cá Nhơn. Tin lý Nhơn duyên là tin bằng trí tuệ, bằng khoa học, cho nên chánh tín.

---o0o---

VI. LỢI ÍCH CHÁNH TÍN

a. Trí tuệ

Nhận rõ lý Nhơn quả, lý Nhơn duyên là tác dụng của trí tuệ. Chính do nhận xét thấu đáo, phân tích rành mạch khiến trí tuệ ngày càng phát triển. Nếu một đối tượng trước mắt, chúng ta cứ thăm nhận là tự nhiên nó có, do tạo

hóa làm nên, thế là còn gì phải nhận xét phải phân tích. Cứ thế mãi trí tuệ sẽ cùn mòn, không thể nào bén nhạy được. Đó là cái cơ khiến người ta lười suy xét, lâu ngày trở thành tâm trí ù lì chay cứng. Người Phật tử phải sống bằng trí tuệ, nên thấy rõ vạn vật sinh thành hoại diệt đều nằm trong hệ thống Nhơn quả, Nhơn duyên. Sự vật hiện có mà không do Nhơn quả, Nhơn duyên là phi lý luận, phản khoa học. Vì thế người chánh tín là người thực tế, khoa học, nhận xét bằng trí tuệ.

b. Chịu trách nhiệm

Thâm đạt lý Nhơn quả Nhơn duyên, người ấy sẽ nhận lấy trách nhiệm nên hư, hay dở, tốt xấu đều do mình. Mình là chủ động gây thành Nhơn tốt, tạo ra duyên lành. Mọi việc đều không được tốt lành là do mình không chịu gây tạo, đây là lỗi tại mình nào phải tại ai. Biết thế, chúng ta không trốn tránh, không kêu than, trái lại can đảm chấp nhận để rồi xoay chuyển. Bởi nhận rõ Nhơn quả Nhơn duyên, chúng ta xét tốt sự kiện xảy ra tốt xấu, phát xuất từ Nhơn nào, hội đủ Nhơn duyên gì mới xảy ra như thế. Thế thì dù có việc dở hay, chúng ta đều thấy rõ không lầm. Chúng ta nỗ lực cố gắng tạo điều kiện để chuyển đổi nó. Chịu trách nhiệm để chuyển đổi, không phải chịu trách nhiệm để thông qua, đó là tinh thần của người chánh tín.

c. Tự tín

Biết rõ dở hay do mình, quả thực mình là chủ Nhơn của mọi sự thành bại. Đau khổ, an vui, chính mình là người tạo ra. Ngày mai tươi sáng, ngày mai tối tăm, ta là người chủ động. Do thấu hiểu lý Nhơn quả Nhơn duyên, con người sẽ có sức tự tín mãnh liệt. Nhờ sức tự tín, con người mới cố gắng chuyển đổi, vươn lên trong mọi lãnh vực. Một dân tộc có đức tự tín, không bao giờ cam chịu khuất phục, chậm tiến. Có tự tín, là có một sức mạnh phi thường. Có tự tín, sự tu hành mới không thôi chuyển.

---o0o---

VII. KẾT LUẬN

Mê tín và chánh tín là hai con đường tối sáng khác nhau. Nếu đi bên tối là không thấy bên sáng, nếu đi bên sáng thì không kẹt trong tối. Đạo Phật chủ trương chánh tín, không bao giờ chấp nhận mê tín. Do vì người truyền đạo không thông lý đạo, nên ghép những tập tục thế gian vào trong đạo, khiến người ta hiểu lầm đạo Phật mê tín. Bản chất của đạo Phật là trí tuệ, là giác ngộ, làm sao dung nạp được mê tín. Nếu người ta thấy trong chùa chiền hiện

nay còn những hiện tượng mê tín, vội phê bình đạo Phật mê tín. Đây là những oan tình của đạo Phật. Tất cả những kinh Phật không có nói những việc mê tín ấy, chẳng qua một số người vì tùy tục, vì thiếu hiểu Phật pháp vẽ bày ấy thôi. Người học Phật phải gan dạ loại bỏ những tập tục sai lầm ấy, can đảm dứt khoát đập tan mọi tệ đoan làm suy giảm giá trị Phật pháp. Có khi dẹp bỏ những điều đó, có thể thiệt thòi chút ích quyền lợi của mình. Song chúng ta cương quyết vì chánh pháp, chớ không vì lợi dưỡng, vì đưa người ra khỏi đường mê, không vì sợ mất mát bản đạo. Được thế, chúng ta mới xứng đáng là người lãnh đạo tín đồ, mới không hổ thẹn là hàng Tăng bảo.

---o0o---

BÀI II - TỘI PHƯỚC

I. MỞ ĐỀ

Nói đến tu hành là nói đến tội phước, nếu không rõ tội phước tức là không rõ sự tu hành. Nếu người tu mà cứ lao mình trong tội lỗi, ấy là người tạo tội cho không phải là người tu hành. Mọi sự an vui và đau khổ gốc từ tội phước mà sanh ra. Vì thế muốn thấu hiểu sự tu hành chúng ta phải thấu hiểu tội phước. Tội phước là những hành động thiết thực trong cuộc sống này, không phải là chuyện siêu huyền mờ ảo đâu đâu. Thế nên người tu hành phải thấu đáo, phải phân rành vấn đề tội phước.

II. THẾ NÀO LÀ TỘI?

Tội là hành động làm cho mình và người đau khổ trong hiện tại và vị lai. Người làm tội cũng gọi là người dữ, người xấu. Tội, có tội ngoài đời và tội trong đạo. Tội ngoài đời là những kẻ phạm luật pháp nhà nước, bị tù đầy đau khổ. Tội trong đạo có hai loại : tội do hứa nguyện gìn giữ mà không giữ, tội làm đau khổ chúng sanh. Tội do hứa nguyện gìn giữ mà không giữ, như trước nhận giữ năm giới hoặc mười giới là điều cao cả quý báu, ở trước tam bảo nguyện trọn đời gìn giữ, mà sau này không giữ được một hoặc nhiều điều, gọi là tội phạm giới. Tại sao phạm giới gọi là tội? Bởi vì trước mình đã nhận định những giới luật đó là hay là đúng, nếu giữ được sẽ lợi ích cho mình và chúng sanh, nên nguyện gìn giữ. Sau này mình không gìn giữ, thế là đã phá hoại sự lợi ích của mình và của chúng sanh nên phạm tội. Thí dụ như giới ăn trộm chẳng hạn. Bất cứ một hành động nào làm khổ cho người hiện tại hoặc mai kia đều là tội. Bởi mình đã gây ra như đau khổ thì quả đau khổ

mình phải lãnh lấy. Do làm khổ mình, khổ người nên gọi là tội. Tội có tội nhẹ và tội nặng.

A. Tội nhẹ

Những điều làm đau khổ cho người, cho chúng sanh, do thân miệng chúng ta gây ra mà không cộng tác tới ý là tội nhẹ. Bởi vì việc ấy là vô tâm, hoặc không có ý thức. Việc làm vô tâm, khi nạn nhân cảm thông được, họ sẽ bớt thù hận, nếu họ đại lượng có thể tha thứ luôn. Thí dụ chúng ta đi đường, có đứa bé cầm hòn đất ném chơi, lại trúng vào chúng ta. Nếu chúng ta biết nó không cố ý ném mình, tuy đau điếng mà chúng ta không giận nó. Thế nên mọi hành động bằng thân bằng miệng làm đau khổ người mà không có ý thức là tội nhẹ, xin lỗi hoặc xám hối sẽ hết. Việc làm đau khổ chúng sanh chút cũng là tội nhẹ.

B. Tội nặng

Những người làm đau khổ cho người cho chúng sanh, do thân miệng cộng tác với ý chúng ta gây ra là tội nặng. Bởi vì việc làm ấy là cố tâm, là hữu ý, khiến người oán giận không thể tha thứ. Thí như có người cố tình đánh chúng ta, dù cái đánh ấy bị cản trở không chạm đến thân chúng ta, song biết kẻ ấy cố tình đánh mình, chúng ta cũng giận họ đời đời. Vì thế hành động cố tâm, hữu ý là hành động quan trọng nên tạo thành tội nặng.

Thế nên tội phát xuất từ ba nghiệp chúng ta. Nơi thân : giết người, trộm cắp, tà dâm. Nơi miệng : nói dối, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, nói hung ác. Nơi ý : tham, sân và tà kiến. Sự hợp tác chặt chẽ của ba nghiệp này là tội nặng.

---o0o---

III. THẾ NÀO LÀ PHƯỚC?

Phước là những hành động đem lại sự an vui cho mình, cho người ở hiện tại và mai kia. Người làm phước cũng gọi là người lành, người tốt. Bởi vì những hành động đem lại sự an vui cho người, người sẽ quý mến. Chính sự quý mến ấy nên gặp vui vẻ và sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau. Chúng ta giúp đỡ hoặc an ủi khiến người được an vui, người thù đáp lại chúng ta bằng cử chỉ biết ơn vui vẻ quý mến, đó là làm phước gặp phước. Vì thế người biết làm phước hiện tại được an vui, mai sau vẫn an vui. Làm phước có hai thứ : phước hữu lậu và phước vô lậu.

A. Phước hữu lậu

Làm cho mình cho người an vui tương đối trong vòng sanh tử là phước hữu lậu. Do ba nghiệp chúng ta hoạt động đem lại sự an vui cho người, chính hành vi ấy là sanh diệt giới hạn, còn trong vòng sanh tử hiện tại cũng như mai sau. Chúng ta phải nỗ lực tạo điều kiện cho mình và mọi người thường được an vui. Muốn thực hiện được việc đó, ngay nơi ba nghiệp chúng ta phải ứng dụng các điều này :

1. Về thân

a. Cứu mạng

Chúng ta phải sẵn sàng cứu giúp bảo vệ sinh mạng của người. Nếu người gặp tai nạn sắp mất mạng, theo khả năng của mình, chúng ta tận tâm cứu giúp. Giải cứu cho người thoát chết, hoặc ngừa đón những sự việc có thể làm nguy hiểm đến sinh mạng người, đó là việc làm phước của bản thân. Bởi vì sinh mạng đối với con người là tối thượng cho nên ai giải cứu họ khỏi chết, lòng an vui và biết ơn vô kể.

b. Bố thí

Kê đến, sẵn sàng cứu giúp người khi gặp cảnh cơ hàn nguy khốn. Nỗi khổ đói rét cũng đe dọa đến sinh mạng, người đang lâm vào cảnh khổ này nếu được cứu giúp, họ cũng vui mừng vô hạn. Chúng ta muốn được an vui thì phải sẵn sàng mang sự an vui bủa khắp mọi người, đó là nền tảng phước đức. Hạnh phúc không phải đến riêng với chúng ta, mà do sự thù đáp từ hạnh phúc của mọi người mang lại. Chúng ta đừng đại khờ cứ bo bo giữ lấy tài sản vô thường làm của riêng mình, cần phải ban bố cho những người đang thiết ta cần nó. Những cái vô thường mà cứ giữ, có ngày sẽ khổ đau khi nó không còn ở trong tầm tay mình nữa. Mượn của cái vô thường làm phương tiện an vui cho người, nguồn an vui ấy sẽ trở về với chúng ta một cách bền vững lâu dài.

c. Trinh bạch

Cần phải giữ hạnh trung thành trinh bạch. Người biết đạo lý đã không dám xâm phạm đến danh giá và hạnh phúc của gia đình người, còn phải trung thành trinh bạch với gia đình mình. Tinh thần trung trinh ấy giúp cho người trong gia đình tin cậy lẫn nhau. Do sự tin cậy lẫn nhau nên trong gia đình được an ổn vui tươi. Trong gia đình đã thế, chúng ta cần nhắc nhở chỉ dạy cho mọi

người chung quanh đều tập hạnh trung trinh này. Được thể sự an vui không những chỉ ở trong phạm vi gia đình, mà tràn lãn đễ xã hội.

2. Về miệng

Tu phước ở miệng phải tập bốn điều này:

a. Nói chơn thật

Nói chơn thật đễ đem lại niềm tin tưởng an ôn cho người. Bất cứ ở trường hợp nào, chúng ta cũng cố gắng nói lên những lẽ thật. Luôn luôn tôn trọng và yêu chuộng lẽ thật. Chơn thật là nguồn gốc tin yêu nhau, do đó mọi sự mến thương được bền bỉ.

b. Nói đúng lý

Nói đúng lý đễ giúp mọi người nhận được lẽ chánh. Trong cuộc sống phức tạp này khiến mọi người khó tìm được con đường chánh. Cho nên chúng ta cố gắng nói ra lời đúng lý, hầu làm sáng tỏ mọi chỗ ngờ vực của người. Sống đúng, nói đúng, thực là sự hi hữu trong cuộc sống hỗn độn hiện nay. Chúng ta mãi tôn trọng câu “mặc người phi pháp, chúng ta vẫn giữ đúng pháp”.

c. Nói hòa thuận

Nói hòa thuận đễ đem lại tình đoàn kết cho mọi người. Tất cả việc làm phân ly chia rẽ đều là tạo nên thống khổ cho con người. Chúng ta đã không làm thế, mà luôn luôn dùng lời hòa thuận đễ hàn gắn lại những mối tình đã rạn nứt. Ngôn ngữ chúng ta phát ra đều đem lại tình thương gắn bó cho mọi người. Thấy đâu có sự rạn nứt, có mầm tan rã, chúng ta đều nỗ lực dùng lời hòa thuận làm chất keo hàn gắn lại. Tận dụng ngôn ngữ mình đễ đem lại tình đoàn kết an vui cho nhân loại.

d. Nói nhã nhặn

Nói nhã nhặn đễ đem lại sự ôn hòa vui vẻ cho người. Mọi sự căm phẫn, bực tức đều làm cho con người đau khổ. Chúng ta tập nói nhã nhặn khiến người

dễ mến và vui vẻ. Trọn đời chúng ta đem lại sự an vui cho chúng sanh, không có lý do nào lại dùng lời thô ác. Chúng ta phải thực hiện lời nhã nhặn mãi mãi với mọi người.

3. Về ý

Chúng ta phải tập từ bi, nhẫn nhục và chánh kiến. Mang lại tình thương cho chúng sanh là tiêu diệt mầm tham lam độc ác. Nỗi khổ của chúng sanh ngập trời đều do lòng tham ác của con người tạo nên. Chúng ta tận lực gây dựng tình thương để giảm thiểu đau khổ cho chúng sanh. Tập lòng nhẫn nhục để chịu đựng mọi cảnh ngang trái mà không sanh sân hận. Có nhẫn nhục được, chúng ta mới giữ được tình thương lâu dài với chúng sinh. Chánh kiến là nhận định đúng đắn, đưa chúng ta đi đúng hướng, sáng suốt vui tươi. Do chánh kiến mới có nói đúng, làm đúng. Ba nghiệp tạo phước, chánh kiến là đội binh tiên phong. Tóm lại, ba nghiệp làm mười điều trên là tu phước hữu lậu. Phước này khiến chúng ta qua lại trên con đờn an vui tươi đẹp. Mặc dù còn tương đối sanh tử, song đến đâu cũng là hài lòng mãn ý.

B. Phước vô lậu

Phước vô lậu là sự an vui tuyệt đối không giới hạn. Do thoát ly sanh tử nên an vui miên viễn. Bởi sự an vui nào mà còn sanh tử đều tạm bợ đối đãi. Chỉ có tiêu diệt hết mầm sanh tử, an trụ vô sanh, mới là an vui viên mãn. Tu phước vô lậu là chúng ta nhắm hướng vô sanh làm mục đích, hằng ngày buông xả cái chủ động sanh diệt và dùng trí thấy rõ các tướng giả dối sanh diệt, không làm, không kẹt nó. Cứ thế tiến mãi, cho đến bao giờ viên mãn mới thôi. Mình làm như vậy là tu phước vô lậu.

---o0o---

IV CẦN TRÁNH TỘI, LÀM PHƯỚC

a. Tránh tội

Đã biết tội là non khổ đau bất như ý, chúng cố gắng tránh đừng gây nên tội. Cuộc đời đã khổ đau lắm rồi, chúng ta không thể nào làm cho nó tươi đẹp, ít ra cũng đừng tô thêm cho đậm nét khổ đau. Tránh gây khổ đau cho người tức là tránh tạo khổ cho mình. Có ai ngu dại đến nỗi lấy dây tự trói,

lấy roi tự đánh, để rồi kêu khóc thở than. Mầm khổ đau không gieo thì cây khổ đau làm sao đâm chồi nảy lộc. Biết thế, chúng ta dè dặt tối đa trong việc gieo nhân đau khổ. Dù một tội nhỏ, tránh được, chúng ta cũng cố gắng tránh. Như trong Luật nói: “Giot nước tuy nhỏ, roi mãi cũng đầy chậu lớn”. Người biết sợ tội là người biết sẽ khỏi tội. Chỉ có kẻ liều mạng xem thường tội lỗi, càng lún sâu trong tội lỗi. Đã có tội lỗi là có khổ đau, như có hình thì có bóng, có tiếng thì có vang. Người học đạo phải sáng suốt thấy rõ lý lẽ ấy, để không làm, làm đau khổ mình khổ người.

b. Làm phước

Hạnh phúc an vui là điều ai cũng ước mơ, mong mỏi. Người học đạo không ước mơ mong mỏi suông, phải thực tế gây dựng hạnh phúc cho người tức là gây dựng hạnh phúc cho mình. Hạnh phúc không thể ngẫu nhiên đến với chúng ta, mà do công phu bồi đắp. Một hành động, một lời nói, một ý niệm mà đem an vui lại cho người, chính là gây dựng hạnh phúc cho ta. Trong cuộc đời tương phản, kẻ buông xả hết lại là người được nhiều nhất. Ngược lại, người cố giữ gìn lại là người mất mát nhất. Tạo hạnh phúc cho mình không phải bo bo gìn giữ những cái gì của mình, mà phải xả bỏ cái của mình, tạo cho người an vui. Chúng ta làm cho trăm ngàn người an vui, quả thực đã tạo trăm ngàn điều an vui cho chúng ta. Vì thế làm phước không bao giờ thấy đủ, chúng ta làm mãi đến suốt đời, mà vẫn thấy chưa xong. Có một lần đức Phật đang ngồi trong một tịnh xá, ở phòng khác ngài A Nan Luật đang xỏ kim vá y, vì mắt không tỏ, Ngài xỏ hoài mà chẳng được. Ngài buộc miệng than: “Có ai mắt sáng làm phước xỏ kim hộ tôi”. Đức Phật nghe, Ngài đi đến chỗ A Nan Luật bảo: “A Nan Luật, đưa kim ta xỏ hộ, để ta làm phước”. A Nan Luật hoảng hốt thưa: “Thế Tôn đã đầy đủ vô lượng phước đức, còn làm phước chi nữa?” Đức Phật dạy: “Thế Tôn đầy đủ vô lượng phước đức, mà còn sót từ cái phước xỏ kim”. Thử hỏi chúng ta là người gì mà không cố gắng làm phước? Phước càng to thì an vui càng lắm, có thiệt thòi gì đâu mà không chịu làm.

---o0o---

V. KẾT LUẬN

Tội phước là điều thực tế trên cõi nhơn gian. Cổ động khuyến khích người tránh tội là hành động giảm thiểu khổ đau cho nhân loại. Tán thán ca ngợi làm phước là mang lại hạnh phúc an vui cho chúng sanh. Lý đáng mọi người chúng ta đều tận lực làm điều này. Vô lý những kẻ đã không làm, lại công

kích người khác làm. Còn ai không xót xa khi thấy con người sát phạt con người. Người có lương tâm, đầy lòng trắc ẩn không thể ngó lơ trước huynh đệ tương tàn. Cho nên tránh tội làm phước là điều mỗi con người chúng ta phải ứng dụng. Biết tội phước là cội nguồn của đạo đức. Song chúng ta đừng bị phỉnh gạt bằng những tội phước rỗng. Tội là cây mầm đau khổ nơi con người, phước là gieo hạt hạnh phúc cho chúng sanh. Có thể thực tế như vậy, không phải việc huyền hoặc viễn vông.

---o0o---

BÀI III - NGHIỆP BÁO

I. MỞ ĐỀ

Mọi việc khổ vui trong kiếp hiện tại của chúng ta đều do nghiệp quá khứ và hiện tại chi phối. Nghiệp lành thì được vui, nghiệp ác thì chịu khổ, chúng ta chỉ biết sợ khổ, cầu vui mà không biết tránh nghiệp ác, tạo nghiệp lành. Thế chẳng khác nào kẻ sợ bóng mà cứ đứng ngoài trời nắng, muốn nghe nhạc mà bịt lỗ tai. Một khi nghiệp quả đến, chúng dù muốn dù không, tất nhiên cũng phải chịu. Bởi nó là kết quả do hành động của chính mình đã tạo. Mình làm, rồi mình chịu, đó là lẽ công bằng hợp lý của kiếp người.

II. ĐỊNH NGHĨA

Nghiệp báo nói đủ là nghiệp quả báo ứng. Bởi vì nghiệp nhơn chúng ta đã gây thì nghiệp quả phải đến. Sự báo thù ứng cân xứng nhau giữa nghiệp nhơn và nghiệp quả. Trước tiên chúng ta cần biết chữ nghiệp.

- a. Nghiệp là dịch nghĩa chữ Karma tiếng Phạn, chỉ hành động tạo tác theo thói quen của mỗi người. Nghiệp có nghiệp thiện, nghiệp ác, định nghiệp, bất định nghiệp ... Nghiệp thiện là hành động lành đem lại sự an lạc cho chúng sanh. Nghiệp ác là hành động dữ làm đau khổ chúng sanh. Định nghiệp là hành động hoặc lành hoặc dữ có cộng tác với ý thức tạo thành nghiệp quyết định. Bất định nghiệp là hành động hoặc lành hoặc dữ không cộng tác với ý thức nên thành nghiệp không quyết định.
- b. Báo là đền trả một cách công bằng, không sai chạy, không tiêu mất.

Chúng ta có hành động lành hay dữ, kết quả của hành động ấy sẽ đến, hoặc sớm hay muộn thôi. Thí dụ chúng ta mắng chửi người là hành động dữ, người ấy sẽ mắng chửi lại ngay khi đó, hoặc thời gian khác, khó tránh khỏi. Sự thù đáp cân xứng gọi là báo. Báo có chia ba thứ: hiện báo, sanh báo và hậu báo. Hiện báo là quả báo hiện tại, những hành động lành hay dữ ngay trong đời này chịu quả báo. Sanh báo là quả báo đời sau, hành động tốt xấu của ba nghiệp, để đời sau mới chịu quả báo. Hậu báo là về sau lâu xa mới chịu quả báo. Ví như vào đầu mùa mưa, chúng ta đồng thời gieo trồng hạt đậu phộng, trồng cây chuối, trồng cây mít. Đến 3 tháng sau chúng ta được kết quả có đậu phộng. Sang năm, chúng ta mới kết quả có chuối. Song ba bốn năm sau, chúng ta mới được kết quả có mít. Như thế, hành động đồng thời mà kết quả sai biệt, tùy loại khác nhau. Nếu chúng ta đòi hỏi ba thứ phải kết quả đồng thời là ngu xuẩn.

---o0o---

III. TỪ Đâu TẠO THÀNH NGHIỆP?

Nghiệp từ thân, miệng, ý chúng ta tạo nên. Bởi thân miệng ý chúng ta làm lành nên tạo thành nghiệp lành. Thân miệng ý chúng ta làm dữ, nói dữ, nghĩ dữ tạo thành nghiệp dữ. Thế nên, chúng ta chủ nhân tạo nghiệp cũng chính chúng ta là chủ nhân thọ báo. Ngang đây chúng ta hãnh diện đã thoát khỏi mọi quyền lực thiêng liêng ban họa xuống phước. Chúng ta cũng hiên ngang thọ nhận tất cả quả khổ vui, mà không có một lời oán hờn than trách. Chúng ta không ngoan biết chọn lựa nghiệp nhơn nào mình thích mà làm, không còn mù quáng làm càn bướng. Đây là sự trưởng thành, khi rõ nghiệp từ đâu có.

---o0o---

IV. TỪ Đâu CÓ BÁO ỨNG?

Sự báo ứng cũng chính nơi mình hiện ra. Mỗi khi chúng ta tạo nghiệp lành hay dữ, mắt chúng ta thấy cảnh ấy, tai chúng ta nghe tiếng ấy, hạt giống lành dữ ấy đã rơi vào tàng thức chúng ta. Kẻ đối tượng bị chúng ta làm khổ vui cũng thế, do mắt thấy tai nghe nên hạt giống biết ơn hay thù hận đã rơi vào tàng thức của họ. Khi nào đó, cả hai gặp lại nhau thì hạt giống ân oán ấy trở dậy, khiến hai bên tạo thêm một lần nghiệp lành dữ nữa. Cứ thế tạo mãi khiến nghiệp càng ngày càng dày, ân oán càng ngày càng lớn. Như khi chúng ta gặp một người đang mắc phải cảnh khôn đốn cơ hàn, hình ảnh buồn thảm khổ đau của họ hiện bày đầy đủ. Chúng ta trong tay có đủ

phương tiện, liền giúp họ qua cơn khốn đốn, lúc đó trên gương mặt khổ đau đã ngã sang gương mặt vui tươi, sáng sủa. Chúng kiến hiện tượng ấy, hạt giống vui tươi đã rơi vào tàng thức chúng ta. Nếu mỗi ngày chúng ta đều gieo vào tàng thức những hạt giống vui tươi, đến khi thân này sắp hoại, chúng ta không còn đủ nghị lực làm chủ, những hình ảnh vui tươi ấy sẽ hiện đến chúng ta, mời chúng ta đến cảnh vui tươi. Ngược lại, mỗi ngày chúng ta cứ gieo rắc khổ đau cho người, những hạt giống khổ đau chứa đầy trong tàng thức chúng ta, đến khi hơi tàn, lực tận những hình ảnh đó sống dậy, đuổi bắt đánh đập chúng ta, khiến chúng ta phải chạy chui vào cảnh khổ. Đó là nghiệp báo khổ vui của mai kia. Nghiệp báo không phải từ đâu đến, mà chính từ tàng thức chúng ta hiện ra. Người xưa thân thánh hóa khả năng chứa đựng của tàn thức bằng ông thần độ mạng. Bảo rằng ông thường theo dõi chúng ta, mà ghi chép hết mọi hành động thiện ác của chúng ta, để báo cáo với Thiên đình hay Diêm chúa. Hoặc cụ thể hóa tàng thức chứa đựng bằng Đài gương nghiệp cảnh. Bảo rằng chúng ta làm lành hay dữ, sau khi chết đến chỗ Diêm Vương, ở trước sân triều có cái gương lớn, người làm lành làm dữ đến trước gương đều hiện rõ ràng đầy đủ, không thể chối cãi được.

---o0o---

V. NGHIỆP BÁO KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN

Sự góp nhặt gieo vào tàng thức là một lẽ thật không phải việc huyền hoặc, do không tưởng bịa ra. Đây thử cử một thí dụ, khi chúng ta muốn học thuộc lòng một bài thơ. Chúng ta đọc một lần, hai lần, tự đến nhiều lần tự thấy nó thuộc. Cái thuộc ấy do đâu, chẳng qua mỗi lần chúng ta đọc, hạt giống ấy rơi vào tàng thức, đọc nhiều lần, hạt giống ấy càng trưởng thành mạnh mẽ, đầy gọi là thuộc. Thuộc xong chúng ta không đọc nữa, thỉnh thoảng trong tàng thức nó trôi dậy, mỗi lần trôi dậy, chúng ta ôn lại đôi ba phen, thế là thuộc lại càng thuộc. Từ miệng chúng ta đọc, hạt giống thơ rơi vào tàng thức gọi hiện-hạnh huân-chủng-tử. Từ tàng thức thơ trôi dậy, gọi là chủng tử khởi hiện hạnh. Chúng ta ôn lại đôi ba lần, gọi là hiện-hạnh huân-chủng-tử. Thế là sự huân khởi không thể nghĩ bàn. Nếu cả đời chúng ta huân-chủng-tử nào nhiều nhất, đời sau sanh ra hạt giống ấy sống dậy sớm nhất. Bởi thế mới có các vị đồng xuất hiện như Mạc Đĩnh Chi ở Việt Nam, 12 tuổi đã thông suốt thi pháp, Bạch Cư Dị ở Trung Hoa, 9 tuổi đã làm thơ, Pascal ở Pháp, 12 tuổi đã thông Kỹ hà học..., cho đến cùng học một lớp mà mỗi đứa bé đều có mỗi khả năng riêng.

Khi trong kho tàng thức còn chứa chủng tử thì sự huân khởi không thể nghĩ bàn. Vì thế nó có sức mạnh lôi kéo chúng ta đi thọ sanh trong lục đạo không có ngày dừng. Thế nên, nói đến nghiệp báo là nói đến sự luân hồi sanh tử.

---o0o---

VI. LÀM SAO HẾT NGHIỆP?

Nghiệp đã do chúng ta gây tạo biến chủng tử huân vào tàng thức. Muốn hết nghiệp cũng do chúng ta khéo loại hết những chủng tử nghiệp ở trong tàng thức ra. Khi kho tàng thức sạch chủng tử thì sức mạnh lôi vào sanh tử không còn. Khi chủng tử trong kho ấy sạch hết, gọi là không Như Lai tàng, là kho Như Lai trống, tức là dứt mầm sanh tử. Vì thế muốn hết nghiệp sanh tử, chúng ta phải ứng dụng những phương pháp tu để tiêu diệt các hiện hạnh từ chủng tử dấy khởi. Ví như chúng ta học thuộc lòng một bài thơ, song mỗi lần nhớ lại, chúng ta đều bỏ qua, thời gian lâu bài thơ ấy sẽ quên bẵng. Những chủng tử khác cũng thế, mỗi khi khởi hiện hạnh, chúng ta đều thông qua chẳng cho hình ảnh sống lại, lâu ngày tự nhiên nó mất. Phương pháp niệm Phật, trì chú, tọa thiền đều nhằm vào mục đích này.

---o0o---

VII. KẾT LUẬN

Thấu rõ lý nghiệp báo, chúng ta cố gắng tạo điều kiện thuận tiện để được quả bảo toàn vui, nếu còn chấp nhận ở trong sanh tử. Sự chọn lựa khổ vui là quyền sở hữu của chúng ta, không phải Thần Thánh, cũng không phải ai khác có quyền ban khổ vui cho chúng ta. Quyền năng sắp đặt một cuộc sống mai kia, đều do bàn tay chúng ta gây dựng. Nếu một khi nào đó, chúng ta không chấp nhận cuộc sống luân hồi nữa, cũng chính chúng ta loại bỏ những mầm sanh tử đang chứa chấp trong tàng thức chúng ta. Thế là, chúng ta đã giành quyền với tạo hóa, đã tước bỏ quyền lực của thần linh và độc tôn trong việc thoát ly sanh tử.

---o0o---

BÀI IV - BỒ TÁT SỢ NHƠN, CHÚNG SANH SỢ QUẢ

I. MỞ ĐỀ

Ngành y học thường giáo dục người dân “Ngừa bệnh hơn trị bệnh”. Trong Phật pháp thường nhắc mãi câu “Bồ tát sợ nhơn, chúng sanh sợ quả”. Thực thế, biết ngừa bệnh hơn trị bệnh, vì biết ngừa trước thì cơ thể đâu phải bị hư hao đau đớn. Đã không tổn thương cơ thể, không bị bệnh trạng hành hạ đau đớn; lại khỏi mất công tốn tiền. Cũng vậy, sợ nhơn khổ chẳng gây thì quả khổ làm gì có. Đợi đến quả khổ mới sợ, đã chịu đau đớn quá rồi, từng bị thương tổn thân thể và danh dự, mất hết an vui hạnh phúc. Biết sợ nhơn khổ tránh trước, có phải là kế an toàn hơn chẳng? Cho nên người trí mới sợ nhơn, kẻ ngu chỉ sợ quả.

II. ĐỊNH NGHĨA

Bồ tát nói đủ là Bồ Đề Tát Đóa, dịch âm chữ phạn (Bodhisattva). Trung Hoa dịch là Hữu tình giác và giác hữu tình. Hữu tình giác là một chúng sanh có giác ngộ, giáo hóa kẻ khác giác ngộ, gọi là giác hữu tình. Nói gọn lại là một chúng sanh giác ngộ và giác ngộ kẻ khác. Bởi là người giác ngộ nên thấy nhơn đau khổ liền biết tội quả đau khổ, nên cẩn thận dè dặt trong lúc gây nhơn. Ngược lại, chúng sanh là kẻ si mê, khi ưa thích thì cứ làm, đến lúc kết quả liền kinh hoàng hoảng hốt. Chỉ biết sợ quả khổ, mà không biết quả khổ xuất phát từ nhơn khổ. Cho nên nhơn khổ cứ gây, đến quả đau khổ thì kêu la than khóc. Đây là tâm trạng của người giác và kẻ mê biểu hiện rõ ràng. Chúng ta học đạo, phải học đòi tâm hạnh của người giác, để lần lần được giác và chóng thoát khỏi mọi khổ đau. Vì thế phải ứng dụng đúng câu “Bồ tát sợ nhơn”.

---o0o---

III. ỨNG DỤNG BẢN THÂN

Chúng ta không muốn bản thân mình có những cái dở thì phải tránh hẳn từ nguyên nhơn của nó. Bản thân chúng ta không muốn làm người gây ốm bệnh hoạn, thì không nên hút á phiện và chơi bời trác táng. Bản thân ta không muốn thành người ghiền gập say sưa thì không nên uống rượu hút thuốc. Bản thân ta không muốn người khinh khi phỉ nhổ thì không nên nói năng lỗ mãng, làm việc gian tà... Những cái nhơn ấy chúng ta biết tránh thì quả ấy không bao giờ đến.

Ngược lại, chúng ta muốn khỏe mạnh cường tráng thì phải ăn uống điều độ, làm việc chừng mực và tập thể dục thể thao. Chúng ta muốn thông minh sáng suốt thì phải cần mẫn học tập, siêng năng suy tâm, tận lực nghiên cứu sách vở. Chúng ta muốn thành một người tốt đứng đắn thì không nên tập mọi thứ bệnh ghiền, tránh xa cờ bạc đàng điếm, mà phải nói năng mực thước, tâm lượng bao dung.

Tất cả sự mong muốn sẽ toại nguyện, nếu chúng ta biết thực hiện ngay bản nhơn của nó. Chúng ta không thể tin những kẻ nói:”Tôi hút thuốc mà không ghiền, uống rượu mà không say”. Chẳng qua họ bị ghiền nặng hay ghiền nhẹ, hoặc say nhiều hay say ít thôi. Người khôn ngoan là kẻ biết tránh nhơn, dù một tí xiu cũng không tập, chẳng dám xem thường thì không bao giờ bị mắc phải. Tự ý và phách lối là cái có khiến người ta hư thân và mất nết. Chúng ta phải khéo léo dè dặt, đừng để cho sắc tài cám dỗ, cũng đừng để cho khói thuốc hơi men làm mờ. Việc cần làm, chúng ta tận lực làm, việc cần tránh, chúng ta cương quyết tránh. Dù gặp phải sự thách đố khinh miệt, chúng ta vẫn gan dạ giữ vững lập trường. Đây mới thực ứng dụng câu “Bỏ tất sợ nhơn” vào bản thân mình.

---o0o---

IV. ỨNG DỤNG NGOÀI XÃ HỘI

Chính chúng ta không muốn bị tật nguyên, tàn phế, không muốn nghèo khổ đói rét, không muốn bị người thù hằn oán ghét... Tất nhiên, chúng ta tuyệt đối không được đánh đập kẻ khác, vì đó là nhơn tật nguyên tàn phế. Chúng ta không được xâm phạm tài sản của người, vì đó là nhơn nghèo khổ đói rét. Chúng ta không được gây hờn chuốc oán với người, vì đó là nhơn thù hằn oán ghét. Những cái gì chúng ta không muốn xảy đến với chúng ta, tuyệt đối chúng ta không đem đến cho kẻ khác. Đây là chúng ta biết tránh nhơn bất như ý.

Ngược lại, chúng ta muốn được thân thể tráng kiện đẹp đẽ, muốn được ấm no hạnh phúc, muốn được mọi người thương mến kính yêu... Hẳn là, chúng ta thường giúp người bệnh yếu tật nguyên thường cứu người đói rét đau khổ, thường quý mến kính yêu cả thầy mọi người. Vì đó là nhơn sẽ đưa đến kết quả của ta mong muốn. Sự thật hiển nhiên này không ai có thể chối cãi được. Nếu chúng ta không muốn người khác hành hạ thân thể mình, mà mình lại hành hạ kẻ khác. Như thế, thử hỏi có hợp lý hay không? Cho nên tất

cả sự mong muốn của chúng ta thế nào, cần phải thực hiện ngay nơi người thế ấy.

---o0o---

V. ỨNG DỤNG TRONG GIA ĐÌNH

Ở trong gia đình, chúng ta sợ quả nào thì khéo tránh non ấy. Chúng ta sợ con bất hiếu, sợ đàn con không hòa mục, sợ gia đình con cái chẳng thuận thảo, sợ con cái không có đạo đức... Chúng ta phải gây non gì để tránh những điều đó? Muốn cho con cái sau này hiếu thảo, chính chúng ta phải ăn ở hiếu thảo với cha mẹ. Vì mỗi ngày, việc làm, lời nói của chúng ta đối với cha mẹ ở trước mặt chúng, nếu là tốt thì chúng gieo được chủng tử tốt trong tàng thức, nếu là xấu cũng gieo chủng tử xấu. Lễ thực này không thể chối cãi được. Nên người xưa nói: "Hiếu thuận hoàn sanh hiếu thuận tử, ngỗ nghịch hoàn sanh ngỗ nghịch nhi. Bất tín đản khán thiêm đầu thủy, điếm điếm đích đích bất sai di". Nghĩa là: "Người hiếu thuận sanh con hiếu thuận, kẻ ngỗ nghịch sanh con ngỗ nghịch. Chẳng tin hãy xem giọt nước ở thềm nhà, mỗi giọt mỗi giọt chẳng dòi dôi". Cổ non có kể một câu chuyện: "Người cha đang ngồi đóng cỗ xe, đưa con trở mắt nhìn. Chậm rãi nó hỏi ba nó: Ba đóng xe chi vậy? Ba nó bảo: "Đóng xe để đưa ông nội lên bả trên núi". Đưa con vợi vàng nói: "Sau khi đưa ông nội lên núi rồi, ba nhớ đem xe về cho con". Ba nó sừng sốt hỏi: "Đem về cho con làm gì?" Nó thưa: "Đợi ba già con cũng đẩy ba lên núi bả". Ba nó ngừng tay ngang đây không đóng xe nữa. Đó là phản ảnh trung thực hành động và tâm niệm của người cha. Vì thế, muốn có kết quả hiếu thảo, chúng ta phải gây non hiếu thảo.

Muốn dạy con cái sau này hòa thuận bả bực lẫn nhau, ngay bây giờ chúng ta phải hòa thuận và bả bực anh em chúng ta. Mỗi ngày hành động ngôn ngữ chúng ta đối xử với cô bác chúng, nếu là đẹp thì chủng tử ấy ghi sâu trong tâm chúng điều tốt, nếu là xấu cũng thế. Chúng ta không thể dùng lý thuyết dạy dỗ con cái phải thương yêu hòa thuận nhau trong khi đó chúng ta anh em gặp nhau lại cãi vả ỏm tỏi. Những lời dạy ấy sẽ vô giá trị, nếu hàng ngày chúng ta làm ngược lại nó.

Muốn dạy con cái sau này thành người siêng năng cần mẫn, chính chúng ta phải thật cần cù. Mọi hành động của chúng ta là những bài học thực tế đối với con cái. Non tốt chúng ta đã gieo cho chúng hiện nay, tự nhiên quả tốt sẽ đến ở mai kia. Chúng ta đừng dùng lý thuyết đồn dập nhồi vào đầu chúng, phải dùng nếp sống hiện thực của mình để cho chúng thấy, quả là sự giáo dục có kết quả chắc chắn. Chúng ta muốn con cái lớn lên khỏi mắc phải

những bệnh ghiền, khỏi phải la cà ở phòng trà quán rượu, chính hiện nay chúng ta phải tránh xa những bệnh ấy và nơi ấy. Thật là trò cười, nếu chúng ta say sưa lèm nhèm mà cấm con cái uống rượu. Người cha mẹ mẫu mực, là mô phạm của con cái, con cái chịu ảnh hưởng cha mẹ từ thuở nhỏ đến khôn lớn. Nếu cha mẹ là cái gương xấu, lại muốn con cái tốt, thật là điều ít có.

Tóm lại, chúng ta muốn dạy con cái hiếu thảo, hòa thuận, siêng năng, tốt đẹp thì bản thân chúng ta trước phải làm những việc ấy. Những hành động ngữ ngôn của chúng ta tốt là những hạt giống lành gieo vào tâm điền của con cái. Nơi tâm thức chúng đã đầy đầy những hạt giống tốt, lo gì mai kia không nảy mầm tốt, sanh cây tốt, đơm hoa tốt, kết quả tốt. Chỉ đáng buồn chúng ta không gieo giống tốt, mà đòi hỏi kết quả tốt, thật là một tham vọng ngược đời.

---o0o---

VI. ỨNG DỤNG VÀO ĐẠO GIÁC NGỘ GIẢI THOÁT

Chúng ta học đạo giác ngộ và mong mỗi chúng được giác ngộ, thì hơn giác ngộ hàng ngày phải gieo rải, phải bồi dưỡng. Trí tuệ là hơn giác ngộ, cho nên mỗi ngày chúng ta phải vận dụng nó quán chiếu đúng như pháp Phật dạy, mới mong có ngày giác ngộ viên mãn. Ví như chúng ta muốn trong nhà tối được sáng, không gì hơn phải tắt đèn đốt đuốc... không thể làm cách nào khác hơn được. Chúng ta không muốn thấy cái quả đen tối vô minh, thì hơn trí tuệ sáng suốt hàng ngày phải gieo rắc. Hơn sáng đã có thì quả tối làm sao thành được.

Muốn giải thoát mọi phiền não khổ đau, chúng ta phải khéo phá trừ chấp ta và cảnh sở thuộc của ta. Bởi vì chấp là hơn phiền não đau khổ, phá được chấp thì phiền não đau khổ đâu còn. Chúng ta đập tan hơn chấp, chớ không cầu trốn quả khổ đau. Hơn chấp không chịu đẹp, mà cứ cầu khỏi khổ thì làm sao khỏi được. Chấp là bám chặt, là buộc ràng, phá được chấp là thành thơi giải thoát. Sự thành thơi giải thoát được viên mãn hay không, tùy thuộc sự phá chấp được sạch hay chưa. Chúng ta không thể đập đầu lạy Phật cầu Ngài cứu mình giải thoát, nếu mình còn chấp chặt cứng khắn. Ví như có người vô tình thốt ra lời bất cẩn, chạm đến tự ái mình. Chúng ta liền nổi giận đùng đùng, bỏ ăn mất ngủ, thử hỏi khi ấy Phật làm sao cứu chúng ta được? Chỉ có cách xem thường bản ngã, mọi việc đều thông qua một cách dễ dàng, là thần dược cứu khổ chúng ta. Chúng ta phải nhìn thẳng vào bản hơn, khéo đẹp nó, tự nhiên quả khổ sẽ hết.

---o0o---

VII. KẾT LUẬN

Sợ nhờn sợ quả đã phân rành kẻ trí và người ngu. Sự nhờn là tránh khỏi đau khổ hoàn toàn sở cầu toại nguyện. Sự quả chỉ làm tăng thêm đau khổ, mọi việc mong muốn đều bất như ý. Chúng ta tập sống bằng trí tuệ, nhìn thấu bản nhờn, tránh xa hay gây dựng đều nhắm thẳng mầm nhờn. Có thể, đời sống của chúng ta mới được an toàn tươi đẹp, cho đến những đời sống mai sau cũng sáng sủa tươi vui. Tuy chưa phải là Bồ tát, sống là một Phật tử, chúng ta có quyền học tập trí tuệ của các Ngài. Người trí không dám nhắm mắt làm càn, đến khi gặp quả khổ đau mới kêu la, than khóc. Phải sớm tỉnh, sớm giác tránh xa vực thẳm khổ đau, đừng mãi mê say chạy bồng, đến khi rớt xuống hố mới kêu đất kêu trời. Ở thế gian hiện nay tạo nghiệp tà trời, khổ đau tợ biển, đều do mọi người say mê càn bồng gây nên. Biết sợ nhờn, bản thân ta đã tỉnh giác, khuyên bảo người sợ nhờn, quả thực đã giác tha. Thực hiện được như thế, dù chúng ta không vỗ ngực xưng Bồ tát, thực tế chúng ta đang hành hạnh Bồ tát.

---o0o---

BÀI V - GIÁC NGỘ PHÁP GÌ

ỨNG DỤNG TU NGŨ THỪA PHẬT GIÁO

I. MỞ ĐẦU

Tất cả pháp Phật dạy đều trước phải giác ngộ rồi sau mới ứng dụng tu. Cũng như trước biết đường rồi sau mới đi, trước hiểu rồi sau mới làm. Sự giác ngộ này là nhận thấy lẽ thật ngay thế gian, không phải huyền nhiệm siêu viển mà là cụ thể thực tế. Bởi giác ngộ rồi mới tu, nên đứng tinh thần đạo giác ngộ. Chúng ta là Phật tử phải thấu rõ lẽ này, đừng làm lần ứng dụng tu một cách mù quáng. Không hiểu mà làm là việc làm càn bồng đại khờ. Chúng ta phải thấp sáng ngọn đuốc chánh pháp soi bước đi, để khỏi vấp ngã rơi hố lộn hầm.

Tổng quát căn bản Phật pháp là Ngũ thừa Phật giáo, trước khi ứng dụng tu, mỗi thừa đều phải giác ngộ mỗi pháp. Ví như ở bến xe miền Đông tại thành phố Sài-gòn, trước khi chúng ta muốn mua vé lên một chiếc xe nào là phải ý thức được mình đi đâu, đi làm gì? Khi mua vé lên xe, chúng ta biết rõ chủ

đích và phân biệt rành rẽ con đường mình đi. Nếu chúng ta mua vé lên xe Tây Ninh là biết rõ mình sẽ đến thị xã Tây Ninh. Mua vé lên xe Vũng Tàu là biết rõ mình sẽ đến Đặc khu Vũng Tàu. Lên xe nào đến chỗ ấy là ví dụ cho Ngũ thừa Phật giáo. Bởi vì thừa là cỗ xe hay ngôi xe sẽ đưa đến mục đích chúng ta nhắm. Chọn lựa xe đi là theo nhu cầu cần thiết của chúng ta đã biết. Thế nên trước giác, sau tu là chủ yếu của Ngũ thừa Phật giáo.

---o0o---

II. GIÁC NGỘ LÝ NHƠN QUẢ LUÂN HỒI. ỨNG DỤNG TU NHƠN THỪA THIÊN THỪA

1. Giác ngộ lý nhơn quả luân hồi

a. Giác ngộ lý nhơn quả

Vạn vật và mọi hiện tượng trên thế gian này, nếu đem ra khảo sát, chúng ta sẽ thấy không có một vật tượng nào thoát ra ngoài nhơn quả. Từ động vật, thực vật, khoáng vật cho đến mọi hiện tượng mà các giác quan chúng ta cảm nhận được, đều phải có nhơn mới thành quả. Ví như con người là quả, xuất phát từ bào thai là nhơn. Cây lúa, bông lúa là quả, phát sanh từ hạt lúa giống là nhơn. Khối đá là quả, kết hợp từ những hạt bụi là nhơn. Dù là những hiện tượng lạ xuất phát từ con người hay thiên nhiên, tuy hiện nay người ta chưa phát giác được nguyên nhơn của nó, song chỉ là chưa tìm ra, chứ chẳng phải không nguyên nhơn. Thấy quả, chúng ta liền biết có nhơn, đó là tinh thần khoa học, là óc khảo cứu của các nhà bác học. Thấy một thành quả, chúng ta chưa tìm ra nguyên nhơn của nó, là chưa thấu suốt vấn đề. Từ một kết quả, chúng ta thông suốt nguyên nhơn, chúng ta có thể cấu tạo nguyên nhơn để được kết quả như ý muốn. Ví như thấy bông lúa thơm biết từ hạt giống lúa thơm, chúng ta muốn sang năm có lúa thơm ăn, năm này phải lấy giống lúa thơm gieo mạ. Trên lãnh vực khoa học, người ta thấy nắp vung nồi nước động, biết từ hơi nước đun sôi bốc lên, do đó chế biến ra các loại máy nổ. Khi thấy chiếc pháo thăng thiên bay vút lên cao nổ tung ra, biết từ nhiên liệu cháy có sức đẩy, người ta chế ra các loại phi cơ phản lực... Cho đến những ngôn từ lý luận cũng phải từ quả đến nhơn, hoặc từ nhơn ra quả. Nếu không như thế là lý luận không chặt chẽ. Ví như nói, tôi thích món ăn này (quả), vì nó vừa miệng tui (nhơn). Tôi không ưa người đó (quả), vì họ ở xấu với tôi (nhơn). Vì nghèo (nhơn), tôi không dám ăn xài (quả). Thực tế mà nói, nhơn quả bao trùm hết mọi lãnh vực trong cuộc sống của con người. Mọi hành vi

thổ lộ ra, đều lệ thuộc Nhơn quả. Song với người trí thì biết rõ, kẻ ngu thì không phân rành.

Nói đến Nhơn quả là tùy thuộc thời gian. Bởi vì từ Nhơn đến quả, phải trải qua giai đoạn khác nhau. Như từ một hạt cam đến thành cây cam và có trái cam, phải trải qua thời gian dài. Hạt cam hoại để thành cây cam, hạt cam thuộc quá khứ, cây cam hiện tại, trái cam vị lai. Rồi trái cam là quá khứ, hạt cam là hiện tại, cây cam là vị lai. Cứ thế xoay vần, từ Nhơn đến quả, từ quả lại Nhơn. Vì thế muốn đoán định Nhơn quả, chúng ta phải căn cứ trên ba thời mà xét. Nếu ai chỉ cắt xén một chặng mà đoán định, là sai lầm lệch lạc. Ví như đồng thời trồng cam, mà một người được quả cam sành, một người được quả cam đường. Nhìn cây cam, lá cam giống nhau, mà trái cam lại khác. Nếu chỉ căn cứ cây cam, trái cam mà biện lý lẽ, làm sao hiểu nổi. Chúng ta phải xét lui về quá khứ, khi gieo hạt cam loại nào mới thấy thấu đáo vấn đề. Cũng thế, trong cuộc sống khổ vui tốt xấu hiện tại của chúng ta, không nhìn lui về quá khứ, khó bề hiểu biết tường tận. Cho nên trong kinh Nhơn Quả Phật dạy: "Muốn biết Nhơn đời trước, cứ xem cuộc sống hiện tại này, cần biết quả đời sau, nên xem hành động hiện nay". Hiện tại là kết quả của quá khứ, cũng là Nhơn của vị lai. Cây cam là quả của hạt cam, cũng là Nhơn của quả cam. Muốn mai kia được nhiều quả cam ngon, hiện tại chúng ta phải vun bón cho cây được sum suê. Đây là khéo ứng dụng Nhơn quả. Hiểu thấu đáo lý Nhơn quả là giác ngộ lý Nhơn quả.

b. Giác ngộ lý luân hồi

Luân hồi là sự vận hành luân chuyển. Trong bầu vũ trụ chúng ta hiện sống đây, luôn luôn vận hành luân chuyển. Quả địa cầu xoay tròn mãi, sáng tối rồi sáng tối. Nhơn đó lập thời gian: ngày, tháng, năm, xuân hạ thu đông. Thế rồi xuân hạ thu đông lại xuân hạ thu đông... Đây là hiện trạng luân hồi của không gian và thời gian. Cho đến mọi sinh vật sinh sống trên quả địa cầu, vừa có sự sống là có vận hành lưu chuyển, ở bên trong mọi vật đều có sự vận hành luân chuyển không ngừng. Dừng đứng lại là mất sự sống. Như nơi con người máu từ quả tim chạy ra các huyết quản, từ các huyết quản trở về trái tim, sự vận hành ấy không có khi dừng, vừa dừng lại là chết. Các sinh vật khác cũng thế. Cho nên luân hồi là một thực thể của vũ trụ và chúng sinh. Phủ nhận lý luân hồi là phủ nhận sự sống, phủ nhận sự biến thiên của thời gian và không gian.

Thừa nhận lý luân hồi, chúng ta phải thừa nhận hai yếu tố then chốt của nó là vận hành và bất tận. Vì mọi hiện tượng trên Nhơn gian này luôn vận hành

thăng trầm mà bất tận. Sự vật tùy duyên đổi thay, song bản chất của nó không mất. Ví như nước, tùy duyên nóng hay lạnh hình thái của nó bị đổi thay. Từ một thể lỏng, gặp duyên nóng nước biến thành thể hơi, gặp duyên lạnh cô đọng thành thể cứng. Mọi sự biến thể của nước đều là tùy duyên. Có khi nó nhẹ bồng bạc trong hư không, có khi đóng lại thành khối cứng như đá. Tuy hình thái đổi luôn luôn, mà bản chất nước vẫn không mất. Nếu ai thấy nước không còn ở thể lỏng, bảo mất là khờ. Hoặc thấy tan không còn ở thể cứng, bảo hết là dại. Người khôn ngoan biết sự tùy duyên biến thái của nước, muốn nó thành hơi dùng duyên nóng, muốn nó thành khối dùng duyên lạnh. Thế là tùy duyên ứng dụng một cách linh động. Đó là chỗ sử dụng của các nhà khoa học hiện nay.

Cũng thế, sang lãnh vực con người, biết sự luân hồi tùy nghiệp tùy duyên, người tu hành khéo tạo nghiệp lành duyên tốt, để sự vận chuyển đúng theo sở nguyện của mình. Sử dụng nghiệp duyên theo nguyện vọng sở thích của mình là người thông suốt lý luân hồi. Biết rõ luân hồi là biến thể chứ không mất, người tu không mắc kẹt hai cái chấp thường kiến và đoạn kiến. Từ nghiệp duyên tốt xấu đưa đến thành quả khổ vui ở mai kia. Chúng ta dại gì không chọn nghiệp duyên tốt để được kết quả an vui. Đây là sự tu hành của người Phật tử trong cuộc luân hồi.

2. Ứng dụng tu nhơn thừa, thiên thừa

Sau khi thành Phật, đức Thích Ca đã từng bảo:”Ta xem thấy chúng sanh luân hồi trong sáu đường, như người mất sáng đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã tư đường, thấy người qua lại của mỗi con đường một cách rõ ràng”. Trong sáu con đường ấy là: Trời, Người, A tu la, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục. Ba con đường trên là tốt, ba con đường dưới là xấu. Ba con đường trên chọn kỹ chỉ có cõi Trời, cõi người còn tu được, A tu la nóng nảy khó tu. Vì thế người tu phải chọn hai con đường trên, gọi là Nhơn thừa và Thiên thừa.

a. Nhơn thừa

Tu nhơn thừa, trước phát nguyện qui y Tam bảo để vạch một lối đi cho hiện tại và mai sau. Kế giữ năm giới là nền tảng tạo thành tư cách con người. Là con người ai cũng xem sinh mạng mình là tối thượng, tài sản là huyết mạch, gia đình là tổ ấm an vui. Vì thế tuyệt đối không được giết người, không được trộm cướp của người, không được phạm tà dâm. Lại không nói dối để gây uy tính, sự cảm thông trong gia đình và ngoài xã hội, không uống rượu để mình bình tĩnh sáng suốt và khỏi làm phiền hà mọi người chung quanh. Hiện tại là

một con người đứng tư cách con người, vị lai cũng sẽ làm người xứng đáng danh nghĩa con người. Đó là do thấy được nhơn, biết rõ quả và nhận được sự bất tận trong dòng sinh mạng của con người, nên ứng dụng tu như thế.

b. Thiên thừa

Chúng sanh ở cõi Trời do phước đức đầy đủ nên dục lạc sung mãn. Chúng ta muốn hưởng sự an vui ấy, ngay hiện tại cần phải tu mười điều lành, nhơn lành đầy đủ sẽ được kết quả sanh cõi Trời. Mười điều lành có chia hai phần tiêu cực và tích cực. Mười điều lành tiêu cực: không giết người, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói ly gián, không nói thêu dệt, không nói ác khẩu, bớt tham lam, bớt nóng giận, không tà kiến. Mười điều lành tích cực: cứu mạng chúng sanh, bố thí, trinh bạch, nói chơn thật, nói hòa hợp, nói đúng lý, nói nhã nhặn, tập từ bi, tập nhẫn nhục, chánh kiến. Mười điều này nhơn thù thắng nên được quả thù thắng nhất trong sáu đường. Vì thế, người Phật tử tu hành, nếu biết còn luân hồi nên chọn cái luân hồi này là là tốt đẹp hơn cả. Đó là ứng dụng Thiên thừa, qua sự giác ngộ lý Nhơn quả, Luân hồi.

---o0o---

III. GIÁC NGỘ LÝ VÔ THƯỜNG, KHỔ, KHÔNG. ỨNG DỤNG TU THANH VĂN THỪA

a. Giác ngộ lý vô thường, khổ, không

Vạn vật trên nhơn gian này đều là tướng di động biến thiên, không một vật nào tạm yên và đứng nguyên một trạng thái. Sự di động biến thiên ấy gọi là vô thường. Vô thường là một lẽ thật bao trùm trên vạn vật. Đã có vô thường phải đến biến hoại (khổ), đã biến hoại phải bị diệt mất (không). Ba trạng thái này liên hệ dĩ nhiên với nhau. Đã thừa nhận vô thường là thừa nhận KHỔ, thừa nhận khổ phải chấp nhận KHÔNG. Vạn vật cứ như thế mà tiếp diễn liên miên bất tận.

b. Tu pháp tứ đế

Đức Phật chứng kiến lẽ ấy, nên Ngài nói pháp tứ đế. Tất cả là Khổ, vì nó là tướng vô thường biến hoại. Khổ là một lẽ thực nên nói là KHỔ ĐẾ. Nói con người sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ. Đây là tướng vô thường biến hoại của con người. Dù là người ở ngôi vị nào cũng phải chung chịu bốn tướng ấy. Thế nên khổ đế là luật chung của nhơn loại, không riêng bởi một

cá nhân nào. Chẳng những thế mà còn Ái biệt ly khổ, Cầu bất đắc khổ, Oán tăng hội khổ và Ngũ ấm xí thanh khổ. Nghĩa là ngoài cái khổ biến hoại của bản thân còn những cái khổ tình cảm bất như ý. Người thương yêu mà phải xa lìa, khiến cho lòng dạ tan nát. Những điều mơ ước mong cầu mà không toại nguyện, quả là một tuyệt vọng, một bất mãn tột cùng. Kẻ oán ghét mà phải sống chung cùng, thực là sự bức bối khó tả. Tổng quát ngay nơi thân năm ấm này là một khối chung hợp toàn những thứ biến hoại đau khổ. Kể cả những thứ khổ nhỏ nhiệm thì có đến 84.000 khổ.

Sự khổ này không phải ngẫu nhiên mà có, chính nó phát xuất từ nguyên nhân: Si, tham, sân, mạn, nghi, ác, kiến. Nếu kẻ chi ly có đến 84.000 thứ trần lao phiền não. Các thứ đó gọi chung là Tập Đế. Do si mê không biết, coi thân tâm như thật nên khởi tham ái thân tâm. Bởi tham ái thân tâm nên mong cầu mọi sự khoái lạc, gặp sự chống đối liền khởi tức giận. Do ái ngã nên khinh khi lẩn lướt người. Bởi si mê nên nghi ngờ lẽ thực và khởi kiến chấp tà ác. Tu hợp những nguyên nhân mê lầm tạm bợ này làm ngã, quả thực là Nhơn của khổ, nên gọi là Tập đế, hay khổ tập.

Muốn cho quả khổ tan hoại, không gì hơn đập thẳng nơi tập nhân. Tập nhân đã tiêu diệt gọi là Diệt đế hay khổ diệt. Bởi tập nhân là mầm si mê biến hoại, nên khi diệt sạch chúng thì, trí tuệ phát sanh, Nhơn sinh diệt cũng bật dứt. Thế là chứng tứ quả Thanh văn được tịch diệt Niết Bàn.

Song muốn phá hoại tập nhân cần phải có phương tiện. Phương tiện này là 37 phẩm trợ đạo: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chí, Bát chánh đạo. Mỗi pháp như Tứ niệm xứ... ứng dụng triệt để cũng có thể tiêu diệt được tập nhân, nên gọi là Đạo đế hay Khổ đạo. Chữ đạo có nghĩa là phương pháp, 37 phẩm này là những phương pháp diệt sạch tập nhân đau khổ.

Trong bốn đế này, đứng về mặt Nhơn quả mà nói: Khổ đế là quả, Tập đế là Nhơn của dòng luân hồi sanh tử. Diệt đế là quả, Đạo đế là Nhơn quả của dòng giải thoát sanh tử. Thế nên còn có Tập đế quyết định phải có Khổ đế, biết dụng tu Đạo đế đúng pháp, nhất định sẽ đạt được Diệt đế. Thế là hai con đường luân hồi đau khổ và tịch diệt Niết bàn đã trưng bày trước mắt chúng ta, tùy ý chọn lấy mà đi. Đây là một lẽ thực không thể sai chạy, cho nên Tôn giả A Nan trình lên Phật khi Ngài sắp nhập Niết bàn: "Mặt trời có thể lạnh, mặt trăng có thể nóng, pháp Tứ đế Phật nói vẫn không thay đổi."

IV. GIÁC NGỘ LÝ NHƠN DUYÊN. ỨNG DỤNG TU DUYÊN GIÁC THỪA

a. Giác ngộ lý duyên sanh vô ngã

Vạn vật có hình tướng đều do duyên hợp. Không có một vật tự thân là một vật, mà phải do chung hợp nhiều dữ kiện mới hình thành. Cái bàn không tự là cái bàn, mà phải có gỗ, có đinh, ông thợ mộc và dụng cụ mới tạo thành cái bàn. Cái cây không tự là cái cây, mà phải có hạt giống, có phân, có đất, có nước, có ánh nắng và người săn sóc mới thành cây. Con người không tự là con người, mà phải do tinh cha huyết mẹ, nhờ sự bú sữa, ăn uống, hít thở... mới thành con người. Tóm lại trên thế gian này không có vật gì tự nó thành nó, mà do nhơn duyên chung hợp thành hình.

Đã do duyên hợp thì không chủ thể, thể là vô ngã. Như thân xác thịt chúng ta, nhà Phật bảo là tứ đại hợp thành. Đất nước gió lửa là bốn thứ lớn, hợp thành con người cũng hợp thành sự vật. Thử phân tích con người, chất cứng là đất, chất ướt là nước, chất động là gió, chất ấm là lửa. Bốn chất này tìm xem cái nào là chủ? Nhẹ như chất gió và lửa mà thiếu một, thử hỏi thân này còn chẳng? Quả nhiên không thể thiếu một chất nào mà thân này còn tồn tại. Thế thì bốn chất có khả năng như nhau. Vậy cái nào là chủ? Không có chủ tức vô ngã. Thân đã vô ngã, tâm lại có ngã chẳng? Nhà Phật chia thân này làm năm nhóm: nhóm hình sắc gọi là sắc uẩn, nhóm cảm thọ gọi là thọ uẩn, nhóm tướng tượng gọi là tướng uẩn, nhóm suy tư gọi là hành uẩn, nhóm phân biệt gọi là thức uẩn. Bỏ phần sắc uẩn ra, còn bốn thứ kia thuộc phần tâm thần. Thế thì bốn nhóm thọ tướng hành thức cái nào là chủ. Nếu cảm thọ là chủ thì suy tư phân biệt là gì? Chính nơi tâm thần chúng ta có đủ bốn nhóm ấy, mỗi thứ hoạt động một lãnh vực riêng. Thế nên phần tâm cũng không có chủ thể, ấy là tâm vô ngã.

b. Tu pháp thập nhị nhân duyên

Mười hai nhơn duyên, khởi đầu là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Thế là "cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh". Vô minh là mê lầm về bản ngã, nên mất thân theo nghiệp dẫn là Hành. Nghiệp thúc đẩy thức đi thọ sanh là Thức. Thức tựa vào sự phối hợp của tinh cha huyết mẹ là Danh sắc. Danh là thức, sắc là tinh huyết cha mẹ, hợp thành thai bào. Thai bào có đủ sáu căn là lục nhập. Khi ra khỏi lòng mẹ,

sáu căn tiếp xúc với sáu trần là Xúc. Do sự tiếp xúc có cảm thọ khổ, vui, không khổ, không vui là Thọ. Bởi cảm thọ nên sanh yêu thích là Ái. Từ yêu thích khởi tâm bảo thủ là Thủ. Do bảo thủ tạo thành nghiệp thiện ác là Hữu. Đã có nghiệp thiện ác là có sanh đời sau là Sanh. Đã có sanh là phải có già chết là Lão, Tử. Trong mười hai Nhơn duyên liên hệ quá khứ hiện tại vị lai, cứ thế xoay vần không có ngày cùng. Đây là mười hai Nhơn duyên theo chiều lưu chuyển.

Biết rõ thân tâm này do Nhơn duyên hòa hợp không có chủ thể là vô ngã. Trí tuệ đạt lý vô ngã này dẹp tan mê lầm về bản ngã là Vô minh. Thức diệt, Thức nên Danh sắc diệt, Danh sắc diệt nên Lục nhập diệt, Lục nhập diệt nên Xúc diệt, Xúc diệt nên Thọ diệt, Thọ diệt nên Ái diệt, Ái diệt nên Thủ diệt, Thủ diệt nên Hữu diệt, Hữu diệt nên Sanh diệt, Sanh diệt nên Lão tử diệt. Từ đây dòng mắc xích mười hai Nhơn duyên tan rã. Chính cái câu "Cái này không nên cái kia không, cái này diệt nên cái kia diệt". Đây là quán mười hai Nhơn duyên theo chiều hoàn diệt.

Do thấu suốt Nhơn duyên, đạt được trí vô ngã nên chứng quả Duyên giác. Ngang đây chấm dứt sự luân hồi, hằng an lạc Niết bàn.

---o0o---

V. GIÁC NGỘ LÝ DUYÊN KHỞI TÁNH KHÔNG, TU BỒ TÁT THỪA

a. Giác ngộ lý duyên khởi tánh không

Cũng đứng trên lý duyên sanh, song Bồ tát không dừng lại ở chỗ thân này do năm uẩn kết hợp là vô ngã, mà còn thấy năm uẩn tánh không. Bởi vì thân này là giả tướng do năm uẩn kết hợp, chính năm uẩn cũng là giả tướng của cái khác kết hợp và có cái khác cũng là giả tướng của cái khác nữa kết hợp... Tột cùng tất cả các pháp đều là duyên hợp không có chủ thể, là tánh không. Bởi tánh không do duyên hợp nên giả có. Vì cái có ấy là tướng duyên hợp, nên giả dối tạm bợ như huyễn như hóa. Giả có nên chẳng phải không, có một cách tạm bợ nên không phải thực có. Thế không mắc kẹt ở hai bên chấp không và chấp có. Đạt tột lý duyên khởi tánh không, Bồ tát nhìn sự vật như chính bản thân mình, chỉ có giả danh mà không có thực thể. Bởi không có thực thể, nên các pháp thấy như bọt, bóng, huyễn, hóa. Duyên hợp thì các pháp có, duyên tan thì các pháp không. Sự có không ấy chẳng qua là tướng của duyên thôi. Thế nên, Bồ tát thấy thân như huyễn, ngay khi sanh mà biết vô sanh.

b. Tu pháp lục độ

Lục độ là sáu pháp: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Sau pháp này tu được cứu cánh gọi là Lục ba la mật. Bồ tát do thấy các pháp như huyễn nên tu bố thí được cứu cánh. Bố thí có chia: tài thí, pháp thí, vô úy thí. Tài thí thì có ngoại tài, nội tài. Bồ tát dùng của cải để cứu người đói khổ là bố thí ngoại tài. Có khi cần đến sức lực hoặc thân phần của mình để cứu người, Bồ tát sẵn sàng làm là bố thí nội tài. Song phần tài thí chỉ là phương tiện đầu để thu nhiếp cảm tình của người rồi sang Pháp thí. Pháp thí là đem chánh pháp chỉ dạy cho người được tỉnh giác. Giáo hóa cho người được giác ngộ là phần giác tha của Bồ tát. Vô úy thí là dùng phương tiện giúp người qua cơn kinh sợ hãi hùng. Trong mọi hoàn cảnh khủng khiếp Bồ tát đều dùng mọi phương tiện để an ủi cho người khỏi sợ. Song cái sợ to lớn nhất là biển khổ sanh tử, Bồ tát thường chèo thuyền Bát nhã cứu người qua khỏi biển khổ là vô úy thí. Đã thấy các pháp như huyễn, nên Bồ tát không khước từ những điều khó bố thí. Vì thế bố thí được Ba la mật.

Trì giới là gìn giữ giới pháp của Phật răn cấm. Trong giới Bồ tát có 10 giới trọng và 28 giới khinh, từ kinh Phạm võng. Hoặc Tam tụ tịnh giới cũng của hàng Bồ tát. Đây là nhóm giới thanh tịnh Bồ tát phải thực hành. Một là nhiếp luật nghi giới, những pháp nên lìa Bồ tát hằng lìa. Hai là nhiếp thiện pháp giới. Hai là nhiếp thiện pháp giới, những pháp nên chứng, Bồ tát đều tu chứng. Ba là nhiều ích hữu tình giới, Bồ tát thường làm lợi ích chúng sanh. Những pháp này tu hành đến cứu cánh viên mãn gọi là giới Ba la mật. Chính vì thấy các pháp duyên khởi như huyễn nên Bồ tát hay làm được việc khó làm.

Nhẫn nhục là sức cam chịu mọi hoàn cảnh khổ đau bức bách tủ nhục đến với tự thân. Chúng ta chiến thắng mọi sự thúc dục bức bách của bản thân tạo ra và chiến thắng những gì khổ đau tủ nhục từ bên ngoài đưa đến. Cho đến những điều oan trái không đâu, hoặc cực kỳ vô lý, chúng ta cũng nhẫn chịu được. Có khi phải trả rất đắt về danh dự, về thân thể, mà vẫn cam chịu để tròn hạnh nhẫn nhục. Cho nên nhẫn nhục khi đến cứu cánh là một sức hùng dũng phi thường, vì đã chiến thắng hoàn toàn bản tánh ái ngã và bảo vệ ngã. Được thế mới gọi là nhẫn nhục Ba la mật.

Tinh tấn là cố gắng nỗ lực. Dốc hết khả năng để chiến thắng mình, để chóng thành đạo quả, là tinh tấn trong phần tự lợi. Dốc hết khả năng để cứu giúp người, để giáo hóa cho họ giác ngộ, là phần lợi tha. Ở hai bình diện tự lợi, lợi tha, Bồ tát lúc nào cũng nỗ lực một cách tột cùng, gọi là tinh thần Ba la

mật. Bởi Bồ tát thấy đem thân như huyễn độ hữu tình như huyễn, nên không bao giờ biết mỏi mệt và chán ngán.

Thiền định là tiếng Phạn, Trung hoa dịch là Tĩnh lự. Có nghĩa là do gá tâm một cảnh khiến những tâm lự lăng xăng được lặng yên. Song Thiền định trong nhà Phật cũng có nhiều lối, hoặc quán thân tâm này vô chủ để ngộ ngã không, hoặc quán năm uẩn tánh không để ngộ pháp không, hoặc tâm không chấp cảnh khiến tâm cảnh nhất như. Bởi đừng được vọng tâm nên gọi là tĩnh lự. Thiền định đến tâm cảnh nhất như là Thiền Ba la mật.

Trí tuệ là trí vô sư được hiển lộ viên mãn. Bởi mây mờ vọng lự dứt sạch, nên mặt trời trí tuệ vô sư chiếu sáng rực rỡ. Trí tuệ này là do công phu thiền định mà phát xuất, chớ không phải do học tập mà được. Cho nên khi trí thể này hiện bày thì vô minh phiền não hoàn toàn tiêu sạch. Thế là đầy đủ trí vô lậu thoát ly sanh tử luân hồi. Đây là trí tuệ Ba la mật.

Lục độ có nghĩa do tu sáu pháp này đưa qua biển khổ sanh tử. Lại có nghĩa tu mỗi pháp qua mỗi cái dờ: Tu Bố thí độ bỏn sẻn, tu Trì giới độ phá giới, tu Nhẫn nhục độ nóng giận, tu Tinh tấn độ lười biếng, tu Thiền định độ tán loạn, tu Trí tuệ độ ngu si.

Tóm lại, ngũ thừa Phật giáo là phương tiện hướng chúng sanh tiến lên, tùy căn cơ và sở nguyện mà sự tiến lên ấy có cao thấp khác nhau. Đã là phương tiện thì chưa phải mục đích chính yếu của đức Phật muốn dạy. Nếu nhằm chỗ mục đích chính của Phật thì chỉ giáo hóa chúng sanh đều được thành Phật. Tuy nhiên lòng từ bi của đức Phật là như thế, song trình độ căn cơ của chúng sanh thì chẳng đồng, buộc lòng đức Phật phải mở rộng Ngũ thừa hoặc Tam thừa mà giáo hóa chúng sanh. Nếu chúng ta ứng dụng tu hành một thừa trong năm thừa, mà tâm niệm vẫn biết rõ ràng đây là phương tiện để tiến lên, chớ không phải chỗ an trụ vĩnh cửu, là không có lỗi lầm. Ngược lại, chúng ta tu thừa nào chấp chặt vào đó, không chịu phát tâm hướng thượng, ấy là những kẻ rơi trong hóa thành. Chúng ta là người cầu Phật đạo, phải tu đến bao giờ viên mãn Phật đạo mới được dừng nghỉ. Đây là mục đích tối thượng của người Phật tử chúng ta.

---o0o---

**TINH THẦN GIÁC NGỘ CỦA ĐẠO PHẬT
QUA NGÀY LỄ VU LAN**

Hôm nay như ngày lễ Vu Lan, chúng tôi có một thời thuyết pháp với đề tài "Tinh Thần Giác Ngộ Của Đạo Phật". Chúng tôi sẽ chỉ rõ tinh thần giác ngộ của lễ Vu Lan như thế nào cho tất cả quý vị thấy, vì chính đó là tinh thần giác ngộ của đạo Phật. Tinh thần giác ngộ đó sẽ diễn tiến từ thấp đến cao, đến chỗ tột đỉnh như thế nào, chúng tôi tuần tự giải thích qua cho tất cả quý vị rõ. Trước tiên tôi nói thẳng về ngày Vu Lan.

Theo thường ở chùa, ngày rằm tháng bảy là ngày lễ "Tự tứ" của chư Tăng cũng gọi là Phật hoan hỷ nhật, cũng gọi là ngày Vu Lan Bồn, dịch âm tiếng Phạn. Ở Trung hoa dịch nghĩa là giải đảo huyền, tức là cứu hay là cởi tội khổ bị treo ngược. Nói một cách khác là cứu tội khổ của những người đang đọa trong cảnh đau khổ địa ngục ngạ quỷ. Đó là tên gọi, nhưng sở dĩ đặt thành ngày lễ Vu Lan vào ngày rằm tháng bảy là do ý nghĩa nào, tiêu chuẩn nào đức Phật nhắm như vậy?

Chúng tôi lần lượt giải thích các tiêu chuẩn đó. Bởi ngày xưa, lúc đức Phật tại thế, chư tăng hoặc 4 vị hay nhiều hơn, đều phân tán đi nơi này nơi nọ giáo hóa. Đến mùa hạ, ở Ấn độ mưa nhiều, nước lũ cho nên sự đi lại khó khăn. Đức Phật ra lệnh cho chư Tăng đến mùa hạ phải quy tụ một nơi để thức liêm tu hành và kiểm soát lẫn nhau, để tu hành thế nào cho nghiêm chỉnh. Trong ba tháng hạ, tức là đến ngày rằm tháng bảy, chư Tăng nhắc nhở lẫn nhau trong hành động, ngôn ngữ, tư tưởng còn khuyết, còn sơ sót. Sau đó mỗi nhóm tùy phương tiện mà đi giáo hóa khắp nơi. Như vậy, ba tháng an cư tính từ rằm tháng bảy gọi là lễ "tự tứ", có nghĩa là Tự: mình, Tứ: mặc tình, tức là chính mình đi ra giữa đại chúng, giữa chư Tăng cầu thỉnh tất cả chư Tăng xét thấy mình có những sơ sót nào, những lỗi lầm nào thì yêu cầu hoan hỷ chỉ dạy để cho mình nhận thấy lỗi lầm, ăn năn chừa cải. Đó là tự tứ.

Trong bài văn tự tứ nói như thế này:

Một vị Tăng hay là vị Tỳ kheo đến trước những vị Tỳ kheo khác có đức hạnh hơn thưa:

"Bạch đại đức một lòng thương xót, con là Tỳ kheo A hay B gì đó, trong ba tháng an cư, Đại đức hoặc thấy hoặc nghe hoặc nghi con có lỗi lầm gì thì thương xót chỉ dạy cho, con sẽ phát lồ sám hối đúng pháp".

Theo tâm lý con người như quý vị thấy, tất cả chúng ta ít có người muốn nói cái dở của mình, hoặc che cái hay của mình. Có người nào muốn nghe người ta nói cái xấu của mình hay không? Đa số đều muốn nghe cái hay mà sợ

thấy cái dở của mình, cho nên luôn luôn người ta khoe cái hay và dấu cái dở của mình. Đó là bệnh thói phong của mọi người. Cái bệnh đó làm cho con người tiến hay lùi? Nếu có hay một chút đem ra khoe khoang, còn xấu thì che dấu để người ta không thấy, đó là tâm niệm hiếu danh. Nếu mình một lần làm xấu dấu được, không ai biết, không ai chỉ, không ai nhắc, thì lần làm xấu thứ hai thứ ba sẽ theo đó mà diễn tiến. Càng che dấu tội lỗi thì tội lỗi càng nhiều. Cho nên cái bệnh che dấu khiến con người thoái bộ. Làm cho con người hư hỏng là bệnh hay khoe cái hay và che dấu cái dở của mình.

Tinh thần người Phật tử là tinh thần tự giác cho nên chúng ta phải tự giác cái gì chúng ta xấu. Lỡ phạm tội lỗi, chúng ta phải nhìn thẳng phải thấy rõ ràng, tự tỉnh, tự giác. Thấy được tội lỗi của mình, tự mình hối cải. Đó là tinh thần phát lộ. Phát lộ là gì? Là vạch cái lỗi của mình trước mọi người, trước chư Tăng, trước quần chúng để cho người ta thấy rõ mình có cái dở đó, để mình hứa trước mọi người sẽ cải tiến không còn dở nữa. Tháng này tôi có cái dở đó, tôi phát lộ với quý vị, quý vị đã nhận đã chứng thật lời của tôi rồi, hứa rằng tháng sau tôi sẽ tiến hơn, không còn dở như vậy nữa. Như thế mỗi tháng, mỗi năm tôi đều phát lộ. Giả sử, trước tôi có dở 10, có yếu lắm đi nữa lần lần tôi còn dở 9, dở 8 rồi 7 chứ không đến nỗi nào trước sao, sau vậy. Nếu trước phát lộ rồi, sau cũng phát lộ y như thế thì có hổ thẹn hay không? Tự nhiên mình hổ thẹn, không thể nào chịu nổi. Giả sử mình có yếu đuối một lần phát lộ, lần sau có phạm hay có tội cũng rán nhẹ hơn một chút, nếu nhiều lần như vậy tự nhiên mỗi ngày càng giảm xuống. Tinh thần phát lộ là tinh thần tự giác. Nếu mình không biết lỗi thì làm sao phát lộ. Biết lỗi là tỉnh hay mê? Nếu mê thì đâu biết lỗi. Người mê là người làm quấy không biết mình là quấy, làm sai không dám nhận mình là sai. Nếu mình quấy tự biết mình là quấy, đó thật là tỉnh. Tỉnh tức là giác. Nhưng có người có tỉnh có giác mà không dám nói, không dám trình bày thì sao? Đó là yếu đuối, thiếu gan dạ. Cho nên đối với người tu phải có tinh thần tự giác tức biết nhận sự sai lầm, những lỗi của mình. Phải can đảm trình bày cái quấy của mình trước quần chúng để người ta chứng nhận cho mình điều đó. Hứa trước quần chúng mình sẽ cải đổi, chứ không hứa suông. Hứa như vậy để mà tiến bộ. Do đó nên người tu theo đạo Phật là người biết tự giác. Đó là tự nhận lỗi để phát lộ. Nhưng tự nhận lỗi không vẫn chưa đủ. Khi cái giác mình còn yếu chưa đầy đủ, cho nên cái mình biết có cái mình chưa biết, mình dễ tha thứ cho mình lắm, mình dễ quên cái dở của mình lắm. Cho nên đức Phật dạy chúng ta cần phải gan dạ hơn nữa, và phải can đảm nghe lời chỉ trích của bạn bè, của những người thiện trí thức lớn hơn mình. Như vậy khi dĩ bao nhiêu lỗi lầm của mình mới tiêu tán được, mới có thể ra ngoài vòng lỗi lầm được. Nếu mình không gan dạ nghe, không nhận những lời chỉ trích thì mình

khó mà tiến được. Cho nên tinh thần "Tự Tứ" là tinh thần cầu những người chung quanh mình thấy những điều sơ sót những chỗ lỗi lầm do mình không thấy được, nhờ chỉ cho mình, nhắc nhở cho mình để cải tiến.

Như vậy người học đạo, người tu hành, nhất là người sống trong đoàn thể mà biết tự giác phát lộ lỗi mình và can đảm nghe lời chỉ dạy những lỗi lầm, những sơ sót của mình, thì người đó có tiến bộ hay không? Đương nhiên chúng ta thấy tâm hồn con người đó là một tâm hồn tỉnh giác sáng suốt và họ là con người có ý chí quả cảm để cầu tiến. Nếu không cầu tiến thì đâu chịu nghe lời phê bình của người. Dám nghe lời phê bình để chấp nhận sửa đổi đó là tinh thần cầu tiến mạnh mẽ vô cùng. Do đó hai điểm quan trọng nhất của tinh thần tự tứ là biết tự giác để phát lộ sám hối giữa đại chúng và thành tâm cầu xin chư Tăng vì mình chỉ lỗi cho. Sau khi được chỉ lỗi, vui mừng sám hối trước đại chúng. Như vậy tức là con người tự giác nhận lỗi để sửa đổi. Họ sẽ từ từ vươn lên, chứ không bao giờ đứng yên một chỗ. Cho nên người tu mà thiếu tinh thần phát lộ và thiếu tinh thần tự tứ, người tu đó khó tiến được. Vì vậy trong đoàn thể chư Tăng, đến ngày rằm tháng bảy tức là ngày Tự Tứ. Ngày mà toàn thể đều ra giữa đại chúng phát lộ và xin chư Tăng thấy, nghe, nghi những lỗi gì của mình đem ra chỉ dạy cho, để mình hứa nguyện sửa đổi. Đó là ngày đức Phật vui mừng nhất.

Bởi trông thấy đoàn thể đệ tử của mình biết tiến bộ và biết tỉnh giác, nên Phật hoan hỷ. Nếu không làm đúng như vậy, đức Phật không vui. Ngày đó là ngày được đức Phật khuyến khích cúng dường. Vì sao? Vì là ngày chư Tăng có tinh thần cao cả gan dạ nhận lỗi mình, và những lời phê bình chỉ trích của chung quanh, hứa sửa đổi. Thật đó là ngày quý giá đáng khen. Cho nên Phật nói chính ngày này mới là ngày toàn thể Phật tử cúng dường cầu nguyện có thể được như ý. Nếu chư Tăng không làm được như vậy thì cầu nguyện chưa chắc được như ý. Tại sao? Vì người biết tỉnh giác, người có ý chí cầu tiến thì đối với việc làm của họ có thể việc gì cũng xong. Đối với sự giúp đỡ người thì việc giúp đỡ nào cũng thành tựu. Bởi vì lúc nào họ cũng tỉnh giác và lúc nào cũng cầu tiến, người như vậy mới đạt được cái gì họ mong muốn. Và muốn lợi ích cho người mới thành tựu viên mãn. Cho nên đức Phật nói chỉ có ngày Tự Tứ cầu nguyện mới được như ý. Thành thử đức Phật khuyến khích chư Tăng nhiều hơn, khuyến khích tinh thần phát lộ và tinh thần tự tứ.

Như vậy trong ba tháng an cư hoặc đích thân họ thấy những cái sơ sót của mình hoặc là họ nghe những người xung quanh hỏi lại những cái sơ sót của mình, hoặc là họ thấy có cái sơ sót mà không biết có đúng hay không, trong lòng còn nghi ngờ. Trong trường hợp đó, mình đều ra cung thỉnh nói thẳng,

chỉ thẳng ra cho mình biết dù cái đó chưa phải là tội. Họ còn nghi ngờ mà nói ra mình cũng sẵn sàng nghe, xét thấy đúng là lỗi thì sám hối phát lồ, do đó tội lỗi sẽ giảm bớt. Như vậy mới là người làm lễ tự tứ đúng pháp. Quý vị thấy có gì đặc biệt trong lễ tự tứ này không?

Nhưng gần đây, chúng ta đi ngược một chút với tinh thần tự tứ của chư Tăng. Tỷ dụ như một chùa có một hai cô ni, một hai ông thầy, không an cư, không tự tứ mà cũng tổ chức lễ Vu Lan long trọng, nói rằng cúng dường ngày Vu Lan là có phước nào là giải đáo huyền, nào là xá tội vong nhân v.v.. Mà khi đó quý vị chưa áp dụng đúng tinh thần tự tứ. Họ không sống với tính cách đoàn thể, không sống đúng với tinh thần Phật muốn dạy, mà hô hào như vậy thì quý vị thấy có hợp lý hay không? Vì vậy chúng ta phải thấy rõ người tu theo đạo Phật là đi trên con đường giác ngộ. Ngày tự tứ tức là ngày tự giác của mọi người. Sau khi xét lại cái sai lầm, cái sai quấy của mình trong ba tháng để mình phát lồ sám hối và đồng thời nhờ chung quanh, những người có tinh thần cương trực, chỉ những lỗi lầm sơ sót của mình. Như vậy sự tiến bộ của mình ngày càng vươn lên. Tinh thần giác ngộ như vậy mới là tinh thần giác ngộ mạnh mẽ sáng suốt.

Đó là tui nói thẳng cho quý vị thấy tinh thần tự tứ của ngày rằm tháng bảy. Vì vậy ngày rằm tháng bảy này mới nên làm lễ Vu Lan, tức Phật tử mới nên cúng dường để theo sở nguyện của mình. Cái sở nguyện được hay không được, đó là vấn đề khác. Những điều đáng chú ý hơn hết là đức Phật đặt trọng vấn đề tự tứ của chư Tăng, mới là ngày quan trọng.

Quý vị nhớ trong kinh Vu Lan, chuyện bà Thanh Đề, nhờ Ngài Mục Kiền Liên cúng dường chư Tăng ngày rằm tháng bảy mới thoát nghiệp ngã quỷ mà sanh lên cung trời Thiên Hoa Quang. Như vậy tinh thần cầu nguyện đó ảnh hưởng thế nào với người có tội lỗi? Chỗ này tôi nói thêm cho quý vị thấy tinh thần đạo Phật. Chính những việc làm đó không nằm trong các mê tín mà nằm trong tự giác. Tại sao vậy?

Trước tôi xin kể những chuyện khác, dù chuyện này có tính cách ngụ ngôn, nhưng để quý vị thấy tinh thần của đạo Phật. Như đức Phật kể lại chuyện tiền thân của Ngài: Thuở nọ Ngài là một đứa con bất hiếu. Khi Ngài chết rồi vào địa ngục. Ngay trong ngục tối, Ngài thấy ở đằng xa một đóm lửa sáng rực đi đến dần dần tới Ngài. Tới gần Ngài nhìn rõ ra là người đang bị một vòng lửa cháy đỏ rực trên đầu. Người đó la rên thảm thiết. Khi tới gần, Ngài hỏi: Anh ơi, anh làm tội gì mà chịu như vậy? Chàng đó nói: Không giấu gì ông, thuở xưa tôi ở nhân gian, vì bất hiếu với cha mẹ, nên giờ đây tôi mới khổ như thế

này.

Ngài hỏi tới bao giờ anh mới hết tội? Chàng kia đáp: Chùng nào ở nhân gian có người nào bắt hiểu như tôi, đến thế cho tôi, thì tội tôi mới hết.

Vừa nói thì vòng lửa bên đầu anh kia chúp qua đầu Ngài. Ngài bị đốt cháy đỏ rực, đau khổ quá, Ngài rên la thảm thiết. Khi tỉnh lại Ngài hỏi: "Đầu tôi bị vòng lửa đốt cháy như thế này, thưa anh chùng nào mới hết, mới khỏi cái khổ này?" Anh kia nói: "Chùng nào có người ở trên nhân gian bắt hiểu như ông, xuống thế cho ông thì ông mới hết".

Khi đó Ngài liền nhớ cái khổ bị đốt như thế này đau đớn vô ngần, nếu có người chịu khổ như mình thì tội nghiệp quá, chi bằng để một mình mình chịu khổ thôi. Cho nên lúc đó ngài liền phát nguyện: "Nguyện tất cả người trên thế gian, từ đây về sau đừng có ai bắt hiểu như tôi, để một mình tôi chịu cái khổ này suốt đời suốt kiếp". Ngài vừa nguyện xong, bất thần vòng lửa bay đâu mất. Ngài thấy Ngài sanh lại ở chỗ khác tốt đẹp, không còn vòng lửa nữa.

Qua câu chuyện đó tuy có tính cách ngụ ngôn nhưng cho chúng ta thấy rõ một khi phát tâm từ bi rộng lớn, phát tâm đạo đức, thì bao nhiêu cái khổ cái xấu tan đi.

Ngài kể thêm một câu chuyện nữa: Một thuở nọ Ngài cũng là một người đi săn bắn tàn bạo. Ngài chết và rơi vào địa ngục. Khi đó quỷ sứ bắt Ngài kéo một chiếc xe công kênh, phía sau có người cầm roi đánh. Ngài kéo nặng quá. Kéo qua chỗ tra tấn người, Ngài thấy những người khác bị đánh đập, hành hạ đau khổ, rên siết quá đỗi. Ngài động lòng thương, nguyện rằng: "Tôi xin thề tất cả cái đau khổ của những người ở trong đây. Tất cả cái khổ của những người đang chịu xin để cho mình tôi chịu". Ngài vừa phát nguyện như vậy thì tự thấy Ngài không còn ở địa ngục nữa.

Qua hai câu chuyện trên đó, chúng ta thấy bà Thanh Đề, sở dĩ ra khỏi vòng ngục quỷ không phải chư Tăng có tài xuống đó dẫn bà lên. Không phải có một ông Diêm Vương hay ông chúa ngục nào mở thả bà, ân xá cho bà. Cũng không phải ông Phật trên đài sen xuống cứu bà, mà chính vì tinh thần sáng suốt và ý chí mạnh mẽ cầu tiến của chư Tăng đồng chung một tâm niệm hướng về bà, mong bà cải đổi tâm niệm xấu xa. Do sự giao cảm đó mà bà tỉnh giác, chính bà tỉnh giác biết được tội lỗi của bà, nên bà hồi hận chừa bỏ. Do đó bà thoát khỏi cái khổ ngục quỷ. Thoát khỏi do tâm hồi cải tinh giác chứ

không phải do sức bên ngoài bắt mình hay tha mình. Đó là sự thật do tinh thần tỉnh giác của con người mà ra. Chỗ đó đối với quý vị hơi lạ, nhưng sự thực là thế.

Chúng ta thấy rằng tất cả cái khổ là gốc ở mê lầm. Mê lầm nên mới có hiểu sai quấy tự mình thấy mình khổ. Thí dụ chúng ta gặp một người mà mình có ác cảm, thấy mặt họ mình có vui hay không? Người mà mình có ác cảm, thấy mặt họ là đôi sắc, cảm thấy buồn, cảm thấy khổ khi phải đối đầu với họ. Nếu khi đó mình dẹp phiền não, có tâm niệm sáng suốt hơn, và tự hỏi tại sao mình xấu như vậy? Tại sao mình có ác cảm với người ta? Người ta cũng tốt, tại sao mình có niệm xấu với họ. Tự hỏi như vậy là mình có thể vui cười cùng họ và không còn bức bối khó chịu nữa. Quan niệm bức bối khó chịu đó là bởi mình cố chấp, mình ghen ghét, mình xấu xa đối với mọi người. Gặp họ thấy họ là mình cảm như có cái gì bức bối, rồi tự mình chuốc khổ. Hết khổ không phải Phật cứu mình mà chính là nhờ mình đổi được quan niệm của mình.

Đến đây tôi kể một câu chuyện trong thiên tông. Vị Tổ thứ tư thiên tông là Tô Đạo Tín, lúc còn làm Sa di thì gặp Tổ Tăng Xán, (tổ thứ ba ở Trung Hoa). Ngài thưa: Bạch Hòa Thượng dạy cho con phương pháp giải thoát.

Tổ nhìn sừng vào mặt hỏi: Ai trói buộc chứ?

Ngài quỳnh lên không biết ai trói buộc mình. Nhìn lại mình một hồi, Ngài thưa: Bạch Hòa Thượng, không ai trói buộc con hết.

Tổ bảo: Như vậy cầu giải thoát làm gì?

Ngài liền tỉnh ngộ.

Vì mình đeo một quan niệm đen tối nên cảm thấy mình xấu xa đau khổ. Giờ đây mình xem cái xấu xa đau khổ đó nó có từ đâu? Khi tìm lại thì quan niệm xấu xa đau khổ không còn nữa. Nhìn thẳng nó thì không thấy có, lúc đó liền hết khổ. Hết khổ ngay trong cái mình nhìn thẳng lại nó, mình không thấy nó. Như vậy để thấy rõ cái khổ hay không khổ gốc ở mê lầm hay là giác ngộ. Cho nên người giác ngộ là người thoát khổ, người mê lầm là người đau khổ.

Đó là then chốt của đạo Phật. Đạo Phật cứu khổ không có nghĩa là cứu người này ở trong địa ngục đem bỏ trên trời, hay đem người này ở trong ngục đưa đến một cõi nào khác. Cứu khổ chính là chỉ dạy cho người ta giác ngộ. Mà giác ngộ rồi liền đó được giải thoát.

Tôi thí dụ một cách cụ thể hơn. Thí dụ có người bị bệnh ghìen á phiện. Khi họ bị ghìen mà không có tiền để mua á phiện, họ phải ụa mửa đủ thứ hết. Hôm nào đây họ tỉnh giấc, họ thấy ghìen á phiện này là tai họa lớn. Thấy mình bị hao mòn khí lực, tài sản tiêu hao, làm mọi người lo sợ v.v.. Bây giờ nhất định cương quyết bỏ, không ghìen nữa. Khi họ giác ngộ, biết được tai họa của nó, cương quyết bỏ, thì từ đó về sau họ sẽ thắng được bệnh ghìen. Thắng được bệnh ghìen là họ sẽ hết khổ. Mà hết khổ là do ai? Do họ tự giác. Phải vậy không? Họ biết được cái đó hại, cả quyết chừa thì họ hết đau khổ. Nếu họ không biết được cái đó là dở, không biết cái đó là tai họa thì họ cứ đi sâu, đi sâu mãi không bao giờ ra khỏi khổ. Cho nên giác ngộ mới được giải thoát. Có giác ngộ mới hết khổ. Đó là sự thực mà lâu nay chúng ta ít có quan niệm rõ. Chúng ta cứ tưởng rằng đi đến chùa cầu cúng rồi Phật làm cho mình hết khổ. Đó là cái hiểu lệch lạc của chúng ta. Tinh thần Phật tử đi chùa phải là tinh thần cầu học đạo để thấy phương pháp tu hành, để mình được giác ngộ. Mà giác ngộ chính là tự mình cứu khổ cho mình, chứ không phải ai cứu khổ cho mình được. Vì vậy đức Phật đã từng nói: "Ta không có quyền ban ơn giáng họa cho ai". Nếu Ngài có quyền ban ơn giáng họa cho người thì Ngài thành thần linh mất rồi, không phải là Phật nữa. Chính Ngài dạy phương pháp giác ngộ, tự chúng ta bỏ đi cái mê lầm, cái sai quấy của mình. Đó là cứu khổ, là điều căn bản của đạo Phật.

Hôm nay là ngày lễ Vu Lan, chúng ta phải biết rõ tinh thần Vu Lan. Đó là tinh thần tự giác cầu tiến. Tự giác bằng cách nhìn thẳng lại những cái sai quấy, những lỗi lầm của mình. Can đảm bước ra trước quần chúng để xin phát lồ sám hối. Cầu tiến bằng cách mong mọi người chung quanh nhìn thấy cái sơ sót lỗi lầm của mình, chỉ báo cho mình chừa cải. Đó mới đúng là tinh thần Vu Lan. Đúng tinh thần đó thì việc làm nào cũng thành tựu như ý. Do đó trong đạo Phật, thường nói ngày tự tứ là ngày có công đức lớn.

Lễ Vu Lan, tinh thần giác ngộ là thế đó, không phải ỷ vào sức cầu nguyện mà không tự giác. Đức Phật chọn ngày tự tứ để khuyên Phật tử làm lễ Vu Lan là do ý nghĩa này.

Giờ đây chúng tôi nói tới giác ngộ. Có phải giác ngộ ở chừng này thôi hay còn phải giác ngộ thế nào nữa? Ở đây chúng tôi cũng lướt nêu lên qua một ít điểm giác ngộ để quý vị thấy. Với tinh thần Vu Lan giác ngộ của những người biết tự giác và biết cầu tiến. Ở trong phạm vi phạm phu còn là phạm tăng chúng ta phải mong giác ngộ và cầu tiến như thế.

Tiến dần đến những bậc thánh tăng thì sự giác ngộ thế nào? Đây tôi kể trong đạo Phật có những vị thánh tăng chứng quả Thanh Văn, Duyên Giác hay là Bích Chi Phật đến Bồ tát v.v.. Những vị giác ngộ đó như thế nào? Những hàng Thánh văn sau khi nghe Phật nói Pháp Tứ Đế: Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế và Đạo Đế, các vị nhận đúng là sự thật, đúng tinh thần giác ngộ. Nhận rõ ràng không nghi ngờ gọi là chứng đạo hay thấy đạo. Khi thấy đạo, chứng đạo rồi bước vào hàng Tu đà hoàn lần đến A la hán. Như vậy chỗ giác ngộ đó như thế nào? Thí như nghe đức Phật nói: "Tất cả thế gian là khổ", chớ tỳ kheo thấy như thế nào? Biết lời Phật đúng hay không đúng? Phần nhiều vì nói thế gian là khổ, cứ nghi khổ là đói khổ, là lạnh khổ, là đau ốm v.v.. Cho những điều khổ đó là khổ của Phật nói. Sự thật đức Phật nói thế gian khổ là vô thường. Tại sao vô thường là gốc của khổ? Bởi vì thông thường kẻ nào Tứ khổ, nào Bát khổ. Tứ khổ là sanh lão bệnh tử. Bát khổ là tứ khổ thêm cầu bất đắc khổ, ái biệt ly khổ, oán tăng hội khổ, và ngũ ấm xí thành khổ. Như vậy cái khổ đó ở trong qui luật vô thường. Người ta ai không nghĩ rằng mình sinh ra lớn lên, trong khi tươi trẻ còn khỏe mạnh sung túc, ít năm thấy mình già mặt nhăn má cốp. Lúc đó có buồn hay không? Răng lung lay nhai không biết ngon, mắt mờ thấy không xa không rõ. Tất cả những hiện tượng đó đều là hiện tượng khiến mình không được vui. Không được vui tức là khổ, là bất như ý. Thường cái khổ là cái bất như ý? Ý mình không muốn bị mất mờ, tai điếc răng rụng, má cốp, mà tất cả cái đó nó tới, mình có vui hay không? Đó là bất như ý, là khổ. Cái khổ đó là gì? Là Vô Thường. Mình đang mạnh khỏe, hoạt động tự do, tới lu tự tại, phát lên đau hì hì đi không được, hoạt động không được, mình có khổ hay không? Đó là bất như ý, đó là khổ. Như vậy sinh già bệnh chết đều là tướng trạng vô thường, đều là khổ. Cái khổ đó có người nào khỏi hay không? Nếu nói khổ do đói rách, thì đức Phật nói không phải chơn lý, mà nói riêng cho một nhóm người nào thôi, vì có người không đói rách thì họ không khổ. Khổ nói chung cho toàn thể con người. Con người nào cũng nằm trong luật Vô thường. Mà đã nằm trong vô thường thì bất như ý. Đã bất như ý thì khổ đau. Cái khổ do nếu chúng ta thấy tường tận tức là nhận chân được khổ đế. Nhận chân được khổ đế rồi, vậy khổ từ đâu mà có? Từ Tập đế. Tập đế là gì? Đức Phật nói tham sân si. Nếu nói rộng ra thì mạn, nghi, ác, kiến, tức là 6 thứ căn bản phiền não. Tóm lại tất cả phiền não gốc từ tham sân si mà ra.

Sở dĩ chúng ta thấy chúng ta già nên buồn, bất như ý là tại sao? Là tại chúng ta có lòng tham muốn trẻ mãi. Nếu chúng ta không có lòng tham muốn trẻ hoài thì già đến có buồn không? Tóm lại trong ba cái tham sân si, si là gốc. Tại si mà mình không thấy được vô thường, không nhận được lý vô thường nên mình mới tham hoài, mới nghĩ tới sống mãi. Phải vậy không? Nghe đến

cái chết là run lên, nghe đến cái già thì buồn đi. Đó là tham. Nếu mình biết rõ được lý vô thường là mình phá được cái si rồi. Trong cái vô thường mà nghĩ là thường, là si mê. Biết rõ lý vô thường, mong cầu được trẻ mãi, tham được khỏi chết v.v.. không còn nữa. Mà cái tham không còn thì cái già cái chết còn không? Như vậy phá được cái si thì khổ theo đó mà hết.

Cái sân cũng vậy. Sở dĩ chúng ta thấy người khác mình ghét mà gặp mặt nhau thì bực bội gọi là oán tăng hội khổ. Chúng ta nhận được lý vô thường rồi phải biết rõ con người mình vô thường, mọi người cũng vô thường thì giận nhau, hơn nhau làm gì? Tha thứ cho rồi, mình có sống đời đâu mà ôm ấp giận hờn. Tha thứ được thì mình hết khổ, cho nên nhận chân được lý vô thường thì tâm sân xụi xuống. Dụi xuống thì bớt khổ. Như vậy tham sân si là gốc của khổ là Tập đế. Khổ là quả, tham sân si là nhân. Tham sân si giảm thì khổ quả theo đó mà giảm bớt. Quý vị thấy chúng ta tỉnh giác hay là chúng ta giác ngộ được nhân khổ thì cái quả khổ theo đó mà hết. Sở dĩ chúng ta khổ là vì chúng ta tham danh, tham lợi, tham đủ thứ. Cho nên mất một cái thì chúng ta khổ một cái, mất nhiều cái thì chúng ta khổ nhiều cái. Chúng ta tham nên muốn cái gì cũng gom về mình cho nhiều. Mất là đau khổ liền. Như vậy khổ là tự lòng tham. Nếu chúng ta biết tất cả chúng ta đều là vô thường, đã là vô thường thì phải làm sao? Không nên ôm ấp. Đã là vô thường thì phải chia sẻ nhau. Vô thường mà ôm giữ, điều đó không phải là vô thường. Phải vậy không? Nếu biết được lý vô thường thì chúng ta phải san sẻ, phải chia sẻ. Như vậy chúng ta dứt lòng tham, tức hết khổ. Chúng ta làm bể một cái chén, buồn hai ba ngày. Bởi tại chúng ta tưởng cái chén đó là còn hoài, nên lỡ bể chúng ta buồn. Nếu biết đó là vô thường lỡ bể rồi thì thôi. Dè dặt mai đừng cho bể nữa. Cái khác cũng thế. Biết được lý vô thường nên chúng ta không ôm ấp, không gìn giữ riêng cho bản thân mình. Thân mình là vô thường, sự vật cũng vô thường, tại sao mình cứ gom góp? Tại sao mình cứ gìn giữ? Khi gom góp gìn giữ đó là thỏa mãn lòng tham. Khi biết được vô thường thì đâu còn tham nữa. Hết tham là mình hết khổ. Chính vì ngộ được lý vô thường, theo đó khổ sẽ giảm. Vì vậy nên các vị A la hán không còn khổ nữa. Còn mình chưa biết được lý vô thường nên mới khổ. Nhưng có nhiều người nói: "Nói như thấy cái gì cũng vô thường hết thì ai muốn làm gì nữa?" Như vậy là lầm ý đức Phật. Đức Phật nói vô thường để mà tiến bộ, chớ không phải vô thường để mà buông tay.

Quý vị nhớ bài kinh nhật tụng hàng ngày ở chùa, tụng kinh Di Đà rồi chúng ta tụng thêm:

*Thị nhật dĩ quá
Mạng diệc tùy giảm
Nhu thiếu thủy ngư
Tư hữu hà lạc
Đại chúng đương cần tinh tiến
Nhu cứu đầu nhiên
Đản nhiệm vô thường
Thận vật phóng dật*

Nghĩa là:

***Ngày nay đã qua
Mạng sống theo đó mòn đi
Nhu cá cạn nước
Còn có gì vui?
Thế nên toàn thể đại chúng gắng mà tinh tấn
Nhu cứu lửa cháy đầu
Chỉ nhớ vô thường
Đề dặt chớ buông lung***

Hiểu được lý vô thường rồi phải nỗ lực, việc đáng làm phải làm liền đừng chần chờ. Thấy người ta khổ, đói rách mình có thể giúp được, không nên nói để mai một sẽ giúp. Điều đó không phải là hiểu lý vô thường rồi. Biết được lý vô thường cái đáng làm phải làm ngay. Mai một biết mình còn hay không? Việc phải làm là làm liền. Giúp được ai là phải giúp liền. Tu được là cố gắng tu liền, chớ đừng chờ tới mai tới một. Chính đó là biết lý vô thường. Cho nên càng nghĩ đến vô thường càng gắng làm lành làm phải, càng gắng giúp ích mọi người, và càng cố gắng tu. Đó là hiểu lý vô thường. Chớ nói vô thường rồi buông tay chờ chết là trái với ý của đức Phật dạy. Vì vậy cho nên, chúng ta hiểu rõ được tinh thần đó, hiểu được lý vô thường rồi, chúng ta mới có thể thương nhau, giúp đỡ nhau là không có lòng tham gom góp về mình. Đó là tinh thần của đạo Phật.

Thí dụ chúng ta đi trong một chiếc tàu, chiếc tàu bị giông bão muốn chìm. Tất cả người trong tàu đều là người thân và biết số phận của mình mong manh rồi. Giả sử lúc đó có người bị sóng nhồi ngã qua mình người kia hoặc là té đập lên chân người khác. Lúc đó những người bị té vô mình hoặc bị đập lên chân có nên giận không? Hẳn là không. Vì lúc đó ai cũng tâm niệm rằng mạng sống mình không còn bao lâu nữa, giận hờn làm chi. Lo sao cho khỏi cái khổ nạn này, thì giờ đâu mà giận hờn. Đây cũng vậy. Nếu chúng ta hiểu

lý vô thường là sao? Như trong kinh Tứ thập nhị chương đức Phật hỏi các vị Tỳ kheo: "Mạng người sống được bao lâu?" Một thầy Tỳ kheo trả lời "Sống được vài năm". Ngài nói: "Người chưa hiểu đạo". Thầy Tỳ kheo khác trả lời: "Sống được trong một bữa ăn". Ngài nói: "Người chưa hiểu đạo". Đến vị sau nói: "Chỉ sống trong hơi thở". Ngài gật đầu nói: "Ông thấy đạo rồi". Như vậy thấy đạo là thấy được lý vô thường. Nếu mình thấy mạng sống trong hơi thở, khi hơi thở này còn thì chúng ta phải làm lợi mình lợi người chứ. Mạng sống đã mỏng manh như vậy, tại sao mình còn ôm ấp giận người này buồn người kia, trách người nọ. Như vậy có phải tự mình giết mòn mình hay không? Mà giết mòn một cách vô ích. Vì chúng ta biết lý vô thường nên phải vươn lên, phải làm lợi mình lợi người, đừng sơ sót một giờ phút quý báu nào hết. Đó mới là hiểu được tinh thần vô thường. Biết vô thường mà tinh tấn như lửa cháy đầu. Quý vị thấy có ai bị lửa cháy đầu mà còn đi chơi thong thả hay không? Hay phải tay quơ, miệng la làng đủ thứ hết. Đầu có thể chân chờ được. Chính chúng ta cũng vậy. Nhận được lý vô thường của Phật dạy, chúng ta phải tỉnh giác phải cố gắng làm lợi ích cho mình cho người. Đó là tinh thần vô thường. Tôi đã nói cái khổ đế và tập nơn của khổ đế.

Tiếp theo đây là diệt đế và đạo đế, tức là diệt được hết tập nơn. Tập nơn là gì? Là tham sân si. Nếu diệt được hết tập nơn phải làm sao? Tức phải tu ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần, bát chánh đạo v.v.. Đó là những phương pháp diệt hết mầm đau khổ. Như vậy thấy rõ pháp tứ đế thì chúng được quả A la hán. Đó là cái giác ngộ của bậc thánh, nhà Phật gọi là hàng thánh nhị thừa.

Tiến lên một bậc nữa có những vị ra đời ở thế gian mà không gặp Phật pháp, không nghe được pháp tứ đế của Phật, bỗng nhiên thấy những cuộc hưng suy của cuộc đời hoặc là thấy mùa thu lá rụng, mùa xuân cây cối đâm chồi nảy lộc v.v.. tức là sự danh hư tiêu trưởng của sự vật rồi tự nhiên giác ngộ được lý vô thường. Đó là bậc Độc giác, tự mình giác ngộ. Kế đến là bậc Duyên giác. Có những hàng nghe đức Phật nói về 12 nhân duyên: Vô minh duyên hành... cho tới lão bệnh tử. Mười hai nhân duyên đó như sợi dây chuyền nó liên kết không rời. Thấy rõ được lý 12 nhân duyên tiến tu để được giải thoát gọi đó là bậc Duyên giác. Như vậy chúng ta thấy là A la hán là Duyên giác, cũng gọi là người giác ngộ, giác ngộ ở khía cạnh này hay ở khía cạnh khác.

Cho tới giác ngộ cứu kính mà ở đây chúng ta đang thực hành. Giác ngộ của hàng Bồ tát như trong các kinh Pháp hoa, kinh Lăng nghiêm, kinh Niết bàn v.v.. là chỉ cho giác ngộ cứu kính của đạo Phật. Giác ngộ cứu kính đó là giác

ngộ thế nào? Bởi vì hàng Nhị thừa chúng tôi thường gọi là hàng Thanh văn hay Duyên giác đều là nằm trong các pháp đối đãi. Như hàng Thanh văn thì thấy có khổ, tập là Nhơn quả luân hồi. Diệt, đạo là Nhơn quả của giải thoát. Tức là bên này là luân hồi, bên kia là giải thoát, có đối đãi. Hàng Duyên giác cũng vậy, thấy 12 Nhơn duyên đi chiều thuận là luân hồi. Ngược lại đi chiều hoàn diệt là giải thoát, tức vô minh diệt thì hành diệt v.v.. Như vậy cũng là ở trong đối đãi. Mà còn ở trong đối đãi thì giác ngộ đó chưa phải là cứu kính, theo tinh thần kinh Niết bàn.

Cho nên trong kinh Niết bàn có thí dụ gọi "Xuân trì thập lịch", tức là mùa xuân lặn dưới ao mò lên một hòn sỏi, hòn gạch. Xuân trì là cái ao mùa xuân, thập lịch là lượm gạch hay ngói. Vì trong đó đức Phật nói: thí như mùa xuân ao nước trong, có một số người bơi thuyền ở dưới ao chơi. Bỗng nhiên có người cầm hòn ngọc quý buông tay rớt xuống ao. Rớt rồi bao nhiêu người lặn mò, có người được hòn sỏi, mừng quýnh đưa lên nói tôi được ngọc rồi, nhưng giơ tay lên là hòn gạch chứ không phải ngọc. Khi nhiều người ùa nhau lặn mò, nước đục ngầu, không thấy được hòn ngọc. Kẻ nắm gạch, người nắm ngói gì đó v.v.. đưa lên hô là được ngọc mà sự thật không phải. Người khôn ngoan chờ cho nước lắng lặng trong trẻo, mắt nhìn kỹ thấy viên ngọc đang ở chỗ nào, nhảy xuống một cách từ từ, lượm lên nói tôi được hòn ngọc thì chừng đó mới là ngọc thiệt. Như vậy thí dụ đó nói cái gì? Tuy hàng Thanh văn, Duyên giác cũng thấy được đạo, ngộ được đạo, nhưng mà giác ngộ ở một khía cạnh của sự đối đãi, cũng như người lặn xuống ao lượm được gạch tưởng là ngọc. Chỉ có Bồ tát là sáng suốt, đợi nước trong trẻo thấy rõ ràng hòn ngọc nó nằm ở chỗ nào, mới lặn ngay chỗ đó nắm đưa lên. Chừng đó mới là hòn ngọc thiệt. Các hàng Bồ tát không mò ngọc trong khi nước đục, mà đợi nước trong rồi tự mình thấy ngọc, thấy rồi mới nắm lấy được hòn ngọc. Quý vị nhớ trong kinh Pháp hoa đức Phật nói: "Các hàng Thanh văn được Niết bàn. Niết bàn đó đức Phật cho là gì? Là "Hóa thành" là cái thành hóa ra để tạm nghỉ chớ không phải là thiệt. Mà thiệt thì phải tới "Báo sở" tức là tới nơi chơn chính, mới là thiệt. Đó là thí dụ cho Bồ tát.

Như vậy tại sao tôi nói thí dụ đó? Bởi vì hàng Bồ tát dụ cho người ngồi trên thuyền đợi nước trong thấy hòn ngọc nằm ngay chỗ nào, rồi mới lặn nhẹ nhàng, từ từ đến ngay chỗ đó nắm lên. Chừng đó mới thực là được hòn ngọc. Nói tóm lại thấy rồi mới nắm lên. Như vậy đúng là tinh thần của Thiên Tông gọi là KIẾN TÁN KHỞI TU. Thấy được cái đó rồi mới khởi tu, đó là tinh thần cứu kính của Phật giáo. Vì Phật giáo đi đến chỗ cứu kính không còn đối đãi. Còn đối đãi là chưa giác ngộ cứu kính. Thế nên trong kinh Bát nhã mở đầu cho Đại Thừa nói: "Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không,

không tức thị sắc". Mới nghe không ai hiểu gì hết, gì mà sắc sắc không không. Nhưng sự thực đó là một lẽ thật cứu kính, bởi chúng ta mê lầm, nhìn tướng trạng thấy cái bàn này gọi là sắc, còn ở chỗ trống này gọi là không. Mình cho sắc với không là hai cái khác nhau. Phải vậy không? Đây là sắc, đây là không, hai cái khác, một cái có tướng trạng, có hình dạng sờ mó được, còn một cái trống rỗng không có gì hết. Đó là chỗ chúng ta thường lầm. Chỗ trống không chúng ta cho đó là không. Nhưng con mắt Phật giáo không phải là vậy. Ngay cái có nó có cái không, ngay cái không đã có cái có. Cái có thô thiển này chúng ta nhìn thấy một hình sắc dày đặc, nhưng với kính hiển vi mấy trăm lần thì chúng ta thấy nó thưa hở. Như gương mặt chúng ta thấy như láng, nhưng với kính phóng đại vài chục lần thôi thì sẽ thấy nó sần sùi, có hang lỗ. Như vậy nó có hay là không là tại con mắt thô hay tế. Nơi hình tướng này có lòng cái không trong đó, còn ngay chỗ không này có cái sắc trong đó. Những chỗ không này có ánh sáng xuyên qua thì chúng ta sẽ thấy bao nhiêu là bụi bặm lã xã ở giữa này. Như vậy đâu phải là không. Nó chỉ không là không tướng trạng khô kệt mà có những tướng trạng vi tế trong đó, chứ không phải là không hẳn. Chúng ta cứ cực đoan cho đây là không hẳn hay có hẳn, thành ra không nhìn tường tận các pháp ở đời.

Người hiểu đạo thấy trong cái có đã lòng cái không, trong cái không đã lẫn cái có. Thấy như vậy các ngài thấy không còn có hai riêng rẽ, không còn có hai đối đãi. Còn thấy hai đối đãi, là chưa phải thấy cái thật. Nếu tới chỗ thật là không có hai. Mà nói như vậy thì ai ai cũng không chấp nhận hết. Tại sao vậy? Bởi vì tới giác ngộ cứu kính thì không hai, mà còn có hai thì chưa phải giác ngộ cứu kính. Nhưng mà làm sao quý vị thấy không hai cho được, vì thế gian này là thế gian đối đãi. Thật ra nếu quý vị xét cho tường tận, thực tình còn có đối đãi thì chưa phải là cứu kính. Tại sao? Bởi vì cái thể cứu kính nó không có hai. Cũng như Phật và chúng ta. Chúng ta thấy Phật là giác ngộ, còn chúng ta là mê lầm. Phật và chúng ta là một hay hai? Nếu chúng ta thấy Phật và chúng ta là một hay là hai thì không biết ai trúng ai trật. Thông thường nói nếu không là hai thì là một chớ gì?

Có thể tôi đi từ từ cho quý vị thấy. Chúng ta thấy đức Phật với chúng ta là hai vì Phật là giác mà chúng ta là mê, cho nên là hai. Nhưng mà chúng ta mê là mê cái gì? Phật giác là giác cái gì chớ? Chính cái đó mới là quan trọng. Tôi thí dụ bây giờ đem vàng làm ra chiếc vòng tay và chiếc cà rá. Đây là chiếc vòng, đây là chiếc cà rá, như vậy quý vị thấy hai hay là một? Đương nhiên là hai rồi, vòng khác, cà rá khác. Đó là ta nhìn trên giả tướng của hai món đồ. Nếu nói về thể, hai món đó là một hay là hai? Là một. Như vậy trên hai cái,

thể cà rá và vòng cũng là vàng thôi. Vàng có một có hai không? Vàng là vàng, nó không có một hai. Có một hai là lập ra để đối đãi chiếc cà rá là một chiếc vòng là hai, chứ vàng là vàng, không có một hai. Thành ra một hai là đối đãi trên giả tướng của hai món đồ thôi. Còn cái thể của món đồ là vàng không nói một hai. Nói một hai là nói cái giả tướng. Cho nên còn có một hai là còn trong đối đãi. Vì vậy mà có vị Tăng hỏi vị thiền sư: "Phật và chúng sinh là một hay là hai?" Ngài trả lời:

*Duy dư nhứt đóa tại
Minh nhứt khùng tùy phong*

Dịch:

*Chỉ còn thừa một đóa
Ngày mai ngại gió rơi*

Ngài không nói hai hay một mà nói bây giờ tôi chỉ thấy còn thừa một đóa hoa, ngày mai e gió cũng rụng luôn. Như vậy giai đoạn đầu thấy Phật và chúng sanh là hai, nhưng bước vào giai đoạn kế thấy Phật và chúng sanh không là hai nữa, nên gọi là một. Mà cái một đó tạm thời thôi, chứ cái một đó không phải là cứu kính. Vì cái một đó tạm đặt với cái hai, còn đến cứu kính, một cũng không còn. Cho nên bây giờ tạm thấy còn một đóa hoa, ngày mai gió thổi, nó cũng rơi luôn không còn nữa. Còn nói một là nói tạm chứ nó không thiệt. Còn nói một là đối với hai. Tới chỗ cứu kính thì cái hai không còn nữa. Nói như vậy cho quý vị thấy chỗ giác ngộ đó cần phải thấy như thế. Cho nên Thiền tông kể rằng sau khi ngộ đạo đức Phật nói như trong kinh Hoa Nghiêm chép: "Lạ thay đức tướng Như Lai, vì bị vọng tưởng mê lầm che lấp không thấy, không hiểu, không biết".

Ngài thấy rõ chúng ta ai cũng đều có trí tuệ đức tướng Phật hết. Như vậy thành Phật là thành cái chúng sanh sẵn có. Ngộ đạo là ngộ cái sẵn có ở chúng sanh, và chúng sanh mê là mê cái có mà quên đi. Cái mình có mà quên đi gọi là mê, Phật ngộ là biết nó có, nhận được nó rồi gọi là ngộ. Thành Phật không có gì lạ và ngộ là nhận được cái sẵn có của chính mình. Vì vậy có một vị thiền sư ở trong ngôi chùa ngài Qui Tông, nửa đêm la: "Tôi ngộ rồi, tôi ngộ rồi". Trong đại chúng ai cũng lấy làm lạ không biết ông ngộ cái gì? Sáng hôm sau, ngài Qui tông lên pháp tòa hỏi: "Vị tăng hồi hôm nói ngộ rồi ra đây xem". Vị tăng bước ra. Ngài hỏi "Ông thấy cái gì mà nói ngộ?" Ông ấy trả lời bằng câu: "Sư cô thị nữ nhơn tác". Nghĩa là: sư cô vốn là

người nữ làm ra chớ không có gì lạ hết. Ngài Qui Tông gật đầu nói: Chính ông ngộ.

Như vậy ngộ là cái gì? Thường thường chúng ta tưởng ngộ là ngộ cái gì ở bên trời kia, chớ không ngờ chính ngộ là ngộ cái sẵn có của mình. Mình cứ nói thành Phật là có hào quang rực rỡ hay có gì lạ. Những cái đó phải có mới là Phật, không ngờ thành Phật là SỐNG LẠI VỚI CÁI SẴN CÓ CỦA CHÍNH MÌNH. Cái sẵn có của chính mình, nếu mình sống được với chính nó, mình sẽ trở về với chính nó, đó gọi là giác ngộ thành Phật. Tại sao vậy? Vì cái mình có mà mình bỏ quên gọi là mê, giờ đây mình biết được gọi là giác. Giác tức là ngộ. Người giác ngộ tức là Phật, chớ không có gì lạ hết.

Như vậy nói sư cô tưởng đâu cái gì xa lạ linh thiêng cao cả, nhưng sự thật ni cô vốn là một cô con gái. Bây giờ cạo đầu mặc áo vào thành sư cô chớ có gì lạ đâu? Nói Phật trên bàn, tưởng Phật ở đâu và có gì lạ đời, không ngờ cũng chính là cái sẵn có của mình chớ không phải đâu lạ. Cho nên một vị khác, sau khi ngộ đạo cũng làm một bài thơ, câu chót ông nói rằng: Lý bạch nguyên lai thị tú tài. Tức là ông Lý Thái Bạch, nhà thơ ai nghe nói cũng nể. Mà xét kỹ lại ông chỉ là ông tú tài như bao nhiêu ông tú tài khác, chớ không có gì lạ. Chính cái đó là để chỉ cho cái ngộ là ngộ cái sẵn có của mình. Vì vậy đức Phật sau khi thành Phật ngài nói: "Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành". Bởi vì Ngài có cái đó, tất cả chúng sanh cũng có cái đó. Không phải Ngài ngộ cái gì khác, mà ngộ trong thân tứ đại ngũ uẩn này có cái thân vô thường sanh diệt, có sẵn cái không sanh không diệt. Nhận được cái không sanh không diệt nơi mình đó gọi là ngộ đạo, chớ không phải tìm cái gì xa xôi. Mà cái không sanh không diệt đó nơi phàm phu cũng có. Cũng như Sư cô có sẵn ở những cô cư sĩ có tóc, chớ có gì lạ đâu. Chỉ cần một khi nào đó thay đổi hình thức, đổi thay tâm niệm là thành Sư cô chớ gì? Như vậy không có gì xa lạ, mà mình tưởng cái đó ở đâu từ phương trời nào đến. Thế nên tinh thần giác ngộ của đạo Phật là giác ngộ ngay cái thực tế hiện tại. Vì vậy người giác ngộ rồi thì không còn thấy hai. Đó mới là giác ngộ cứu kính.

Không thấy hai cho nên không nghĩ rằng cõi mình đây là cõi Ta bà khổ, còn cõi Cực lạc là cõi Phật A Di Đà an vui. Quý vị có nghĩ bỏ cõi này chạy qua bên kia vui hay không? Nếu ngay trong cõi khổ, khéo biết thì mình được vui rồi. Mình mê thì tạo nghiệp xấu xa là khổ. Ngay trong cái khổ mà biết chuyên hướng, biết thay đổi tâm niệm, biết làm những điều lành điều phải, biết chia cơm xẻ áo với mọi người, biết sống trong tình đoàn kết anh em, tự nhiên mình vui. Cái khổ là tự mình tạo, tự mình có những tham, tự mình có

những sân, tự mình có những si rồi mình đau khổ. Phải vậy không? Nếu đẹp bỏ tham sân si rồi ngay tại cõi này có phải là cực lạc hay chưa? Vậy có nên tìm cực lạc bên kia không? Nếu chúng ta thấy bên kia là cực lạc, bên này là ta bà là còn thấy hai. Mà còn thấy hai là còn thấy đối đãi, chưa là lẽ thật. Vì vậy người hiểu đạo đúng theo tinh thần Đại thừa là ngay ở trong các cảnh khổ, ngay trong cái khổ mà người ta cho là xấu xa mình khéo chuyển thành an lạc, tốt đẹp, chớ không phải bỏ đây cầu kia.

Đó là tinh thần đạo Phật. Đạo Phật không có bỏ để trốn để cầu. Có nhiều người lầm nghĩ rằng mình tu là phải trốn thiên hạ, phải bỏ hết những cái gì đâu đâu. Đó là cái lầm lẫn. Tu là chính mình phải thay đổi những cái tâm xấu xa của mình là tham sân si. Nếu chuyển được tham sân si thì Ta bà thành Cực lạc. Còn không chuyển được tham sân si, ôm tâm niệm tham sân si, cầu về Cực lạc, Cực lạc cũng biến thành Ta bà. Vì còn tham sân si, thì ở đâu cũng rầy lộn, đánh lộn. Mà rầy lộn đánh lộn là gốc của Ta bà. Cho nên chúng ta chuyển đổi được tâm niệm tham sân si thì ngay Ta bà thành Cực lạc. Còn không chuyển đổi được tâm niệm tham sân si thì Cực lạc biến thành Ta bà. Đó là sự thực, cho nên hiểu đạo thì chúng ta nên hiểu như vậy. Ngay trong cuộc đời này, dù ở trong hoàn cảnh nào đi nữa, chúng ta cũng vẫn an vui. Chúng ta thấy đây không phải là khổ mà chính đây nếu ta khéo chuyển thì cõi này là cõi Cực lạc, chớ không phải chờ về Cực lạc mới thấy Cực lạc. Như vậy tinh thần đạo Phật đến chỗ cứu kính giác ngộ, mới thấy rằng chính mình và mọi người, chính mình và các hoàn cảnh đều không phải là vấn đề hai ba. Ngay nơi tâm niệm mình chuyển hướng hết những cái xấu xa của mình thì hoàn cảnh nào cũng là hoàn cảnh tốt đẹp. Ở trong chỗ nào cũng là chỗ tiến bộ, chỗ không phải xấu xa. Xấu xa chính vì cái áp ủ tham lam, áp ủ sân si của mình nên thấy xấu xa. Dứt hết những cái đó thì tự nhiên nó sáng sủa tốt đẹp.

Thế nên các Thiền sư lúc nào cũng thấy cõi đời là đẹp. Đẹp như một bài thơ. Tại vì ở đâu cũng là tốt, ở đâu cũng là sáng sủa. Vì mình mang cặp kính ủ rũ buồn bã, nên nhìn cái gì không buồn. Phải vậy không? Nếu mình mang cặp kính tươi sáng trong lòng, nhìn cái gì mà không vui. Phải vậy không? Khi nào quý vị trong tâm hồn đương ưu tư buồn bã thì nhìn thấy cái gì cũng buồn bã theo. Nếu tâm hồn quý vị sáng suốt phấn khởi, vui vẻ thì nhìn cái gì mà chẳng vui vẻ. Cho nên chúng ta cần tạo một tâm hồn vui vẻ sáng sủa và tỉnh giác thì ngoại cảnh theo đó mà sáng sủa. Nó không còn tối tăm mờ mịt nữa. Tối tăm mờ mịt đó là cái mê đen tối của tham sân si, chớ không phải cái gì khác.

Hôm nay là ngày Phật hoan hỷ tôi nhắc lại những điểm then chốt đó để cho tất cả quý vị cũng chúng tôi, mọi người chúng ta đều nỗ lực vươn lên. Làm sao luôn luôn tỉnh giác từ thấp lên cao và luôn luôn với tâm niệm cầu tiến lợi mình lợi người để cho chính mình càng ngày càng được an vui, xã hội càng ngày càng thêm tốt đẹp. Đó mới là tinh thần giác ngộ của đạo Phật.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

*Trí Bảo đánh máy
Ottawa, Canada*

---o0o---

HẾT